

ĐỀ SỐ 1

Câu 1: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở ven biển nước ta?

- A. Lũ quét. B. Trượt đất. C. Cát bay. D. Sóng thần.

Câu 2: Tại sao ven biển duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện thuận lợi để sản xuất muối?

- A. Bờ biển có nhiều vụng, vịnh, đầm phá.
B. Biển nông, nhiều sông suối đổ ra biển.
C. Nhiệt độ cao, nhiều nắng, chỉ có ít sông nhỏ đổ ra biển.
D. Bờ biển dài và nhiều vũng vịnh nước sâu.

Câu 3: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển kinh tế biển ở Trung du miền núi Bắc Bộ là:

- A. phát huy các nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế.
B. tăng vị thế của vùng trong cả nước, tạo việc làm mới.
C. đẩy nhanh thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm.
D. tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.

Câu 4: Bình quân lương thực theo đầu người của vùng Đồng bằng sông Hồng vẫn thấp hơn một số vùng khác là do:

- A. điều kiện sản xuất lương thực hạn chế. B. sức ép quá lớn của dân số.
C. sản lượng lương thực thấp. D. năng suất trồng lương thực thấp.

Câu 5: Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 24, xác định các thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta những năm gần đây?

- A. Thái Lan, Hoa Kỳ, Hàn Quốc. B. Hàn Quốc, Thái Lan, Nhật Bản.
C. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc. D. Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc.

Câu 6: Đồng bằng Thanh Hóa được bồi đắp bởi hệ thống sông:

- A. sông Cả và sông Chu. B. sông Mã và sông Chu.
C. sông Đà Rằng và sông Thu Bồn. D. sông Cả và sông Mã.

Câu 7: Vị trí địa lí của Tây Nguyên có sự khác biệt với các vùng khác như thế nào?

- A. Giáp với Campuchia. B. Giáp Lào.
C. Không giáp biển. D. Giáp với nhiều vùng.

Câu 8: Loại gió nào hoạt động quanh năm ở nước ta?

- A. Tín phong bán cầu Bắc. B. Gió mùa Đông Bắc.
C. Gió mùa Tây Nam. D. Gió phơn Tây Nam.

Câu 9: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng cánh cung?

- A. Pu Đen Đinh. B. Bắc Sơn. C. Pu Sam Sao. D. Con Voi.

Câu 10: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, xác định năm 2007 hai tỉnh dẫn đầu về nuôi trồng thủy sản nước ta là?

- A. An Giang và Kiên Giang. B. An Giang và Cà Mau.
C. An Giang và Cần Thơ. D. An Giang và Đồng Tháp.

Câu 11: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6,7 cho biết dãy núi nào nằm ở phía Đông của vùng núi Tây Bắc?

- A. Pu-sam-sao. B. Hoàng Liên Sơn.
C. Pu-đen đing. D. Con Voi.

Câu 12: Cho bảng số liệu: **LƯU LƯỢNG NƯỚC TRUNG BÌNH THÁNG CỦA SÔNG HỒNG TẠI TRẠM HÀ NỘI**

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lưu lượng nước	1040	885	765	889	1480	3510	5590	6660	4990	3100	2190	1370

(Nguồn: Atlas Địa lí Việt Nam – NXB Giáo dục Việt Nam)

Theo bảng số liệu, sông Hồng tại trạm Hà Nội có đỉnh lũ rơi vào tháng nào sau đây?

- A. Tháng I. B. Tháng VIII. C. Tháng XII. D. Tháng III.

Câu 13: Mục đích chủ yếu của việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là:

- A. sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên và giải quyết việc làm.
- B. giải quyết tốt các vấn đề xã hội và đa dạng hóa nền kinh tế.
- C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế và khai thác hợp lí tài nguyên.
- D. khai thác có hiệu quả các nguồn lực và bảo vệ môi trường.

Câu 14: Vùng nào sau đây có năng suất lúa cao nhất nước ta hiện nay?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 15: Đặc điểm đô thị hóa nước ta là:

- A. tỉ lệ dân thành thị giảm.
- B. trình độ đô thị hóa thấp.
- C. quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh.
- D. phân bố đô thị đều giữa các vùng.

Câu 16: Điểm giống nhau cơ bản của vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là:

- A. có nhiều cao nguyên.
- B. có nhiều núi cao đồ sộ.
- C. thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.
- D. đồi núi thấp chiếm ưu thế.

Câu 17: Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất:

- A. Cận xích đạo gió mùa.
- B. cận nhiệt đới gió mùa.
- C. nhiệt đới gió mùa.
- D. Ôn đới gió mùa.

Câu 18: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, xác định điểm bắt đầu và kết thúc của quốc lộ 1A thuộc địa phận các tỉnh thành nào?

- A. Hà Giang và Cà Mau.
- B. Lạng Sơn và Cà Mau.
- C. Lào Cai và Cà Mau.
- D. Cao Bằng và Cà Mau.

Câu 19: $\frac{3}{4}$ diện tích đất nhiễm mặn, nhiễm phèn là đặc điểm của vùng:

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 20: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, xác định công nghiệp chế biến chè ở nước ta phân bố ở vùng:

- A. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
- C. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 21: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung năm của nước ta (0^C)

Địa điểm	Lạng Sơn	Hà Nội	Huế	Đà Nẵng	Quy Nhơn	TP Hồ Chí Minh
Nhiệt TB năm	21,2	23,5	25,1	25,7	26,8	27,1

Tại sao nhiệt độ trung bình năm của nước ta tăng khi đi từ Bắc vào Nam?

- A. Càng vào Nam diện tích biển càng lớn
- B. Càng vào Nam diện tích đồi núi càng ít
- C. Càng vào Nam ảnh hưởng của gió mùa đông Bắc càng giảm
- D. Càng vào Nam góc chiếu sáng càng lớn

Câu 22: Hướng nghiêng chung của địa hình nước ta là hướng nào?

- A. Bắc - Nam
- B. Đông - Tây.
- C. Tây Nam - Đông Bắc.
- D. Tây Bắc - Đông Nam.

Câu 23: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy Hoàng Liên Sơn thuộc vùng núi nào của nước ta?

- A. Trường Sơn Nam.
- B. Đông Bắc.
- C. Tây Bắc.
- D. Trường Sơn Bắc.

Câu 24: Đồng bằng nước ta tập trung dân cư đông đúc do:

- A. nhiều dân tộc sinh sống, diện tích đất rộng.
- B. chủ yếu trồng lúa nước, nhiều dân tộc sinh sống.
- C. địa hình bằng phẳng, chủ yếu trồng lúa nước.
- D. diện tích đất rộng, có nhiều khoáng sản.

Câu 25: Tiềm năng thủy điện nước ta tập trung lớn nhất ở hệ thống sông?

- A. Thu Bồn.
- B. Mã.
- C. Hồng.
- D. Đồng Nai.

Câu 26: Công nghiệp chế biến chè ở nước ta phân bố chủ yếu ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 27: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, xác định vườn quốc gia Chư-yang-sin thuộc địa phận tỉnh nào?

- A. Đắk Lắk. B. Kon Tum. C. Gia Lai. D. Đắk Nông.

Câu 28: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, tuyến đường biển quan trọng nhất của nước ta là?

- A. TP Hồ Chí Minh - Quy Nhơn. B. Hải Phòng - Cửa Lò.
C. Hải Phòng - Đà Nẵng. D. TP Hồ Chí Minh - Hải Phòng.

Câu 29: Chăn nuôi lợn tập trung nhiều ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do vùng này có:

- A. lao động có trình độ cao. B. nguồn vốn đầu tư lớn.
C. cơ sở thức ăn dồi dào. D. cơ sở vật chất hiện đại.

Câu 30: Cơ sở nhiên liệu chủ yếu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc nước ta hiện nay là:

- A. dầu mỏ. B. khí tự nhiên. C. than bùn. D. than đá.

Câu 31: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6,7, hãy xác định Vân Phong và Cam Ranh là hai vịnh biển thuộc tỉnh (thành) nào?

- A. Bình Thuận. B. Khánh Hoà. C. Đà Nẵng. D. Quảng Ninh.

Câu 32: Để khai thác tổng hợp các thế mạnh trong nông nghiệp, vùng Bắc Trung Bộ cần phải làm gì?

- A. Khai thác thế mạnh rừng và thủy hải sản.
B. Khai thác thế mạnh của trung du, đồng bằng và biển.
C. Khai thác thế mạnh vùng đồng bằng và trung du.
D. Hình thành các vùng chuyên canh kết hợp với công nghiệp chế biến.

Câu 33: Hoạt động khai thác thủy sản ở duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện phát triển mạnh do:

- A. lao động có trình độ cao. B. hệ thống sông ngòi dày đặc.
C. ít thiên tai xảy ra. D. có nhiều bãi tôm, bãi cá.

Câu 34: Câu 7 Đô thị nào sau đây ra đời ở thế kỉ XVI - XVIII?

- A. Cổ Loa. B. Âu Lạc. C. Thăng Long. D. Phố Hiến.

Câu 35: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, xác định tỉnh duy nhất ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ vừa có đường biên giới vừa có đường bờ biển thuộc tỉnh?

- A. Quảng Nam. B. Quảng Ngãi. C. Bình Thuận. D. Khánh Hòa.

Câu 36: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta giáp Trung Quốc?

- A. Hòa Bình. B. Cao Bằng. C. Nghệ An. D. Thanh Hóa.

Câu 37: Nước ta có điều kiện nào thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản nước ngọt?

- A. Vùng biển có nhiều thủy hải sản có giá trị.
B. Có nhiều ngư trường lớn.
C. Có nhiều sông suối, kênh rạch, ô trũng ở vùng đồng bằng.
D. Có những bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn.

Câu 38: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, xác định loại khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở vùng Tây Nguyên?

- A. Sắt. B. Vàng. C. Bôxít. D. Than bùn.

Câu 39: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, xác định hai nhà máy thủy điện có công suất lớn thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

- A. Hàm Thuận, Sông Hinh. B. Tuyên Quang, Thác Bà.
C. Trị An, Yaly. D. Hòa Bình, Sơn La.

Câu 40: Mưa vào mùa thu đông là đặc điểm ở miền nào của nước ta?

- A. Đông Bắc. B. Đông Nam Bộ. C. Tây Bắc. D. Miền Trung.

ĐỀ SỐ 2

Câu 1: Cho bảng số liệu: **LƯU LƯỢNG NƯỚC TRUNG BÌNH THÁNG CỦA SÔNG HỒNG TẠI TRẠM HÀ NỘI**

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lưu lượng nước	1040	885	765	889	1480	3510	5590	6660	4990	3100	2190	1370

(Nguồn: Atlas Địa lí Việt Nam – NXB Giáo dục Việt Nam)

Theo bảng số liệu, sông Hồng tại trạm Hà Nội có đỉnh lũ rơi vào tháng nào sau đây?

- A. Tháng VIII. B. Tháng I. C. Tháng III. D. Tháng XII.

Câu 2: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển kinh tế biển ở Trung du miền núi Bắc Bộ là:

- A. đẩy nhanh thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm.
B. phát huy các nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế.
C. tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.
D. tăng vị thế của vùng trong cả nước, tạo việc làm mới.

Câu 3: Để khai thác tổng hợp các thế mạnh trong nông nghiệp, vùng Bắc Trung Bộ cần phải làm gì?

- A. Khai thác thế mạnh vùng đồng bằng và trung du.
B. Hình thành các vùng chuyên canh kết hợp với công nghiệp chế biến.
C. Khai thác thế mạnh rừng và thủy hải sản.
D. Khai thác thế mạnh của trung du, đồng bằng và biển.

Câu 4: Công nghiệp chế biến chè ở nước ta phân bố chủ yếu ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Trung du miền núi Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 5: Nước ta có điều kiện nào thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản nước ngọt?

- A. Có nhiều ngư trường lớn.
B. Có những bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn.
C. Vùng biển có nhiều thủy hải sản có giá trị.
D. Có nhiều sông suối, kênh rạch, ô trũng ở vùng đồng bằng.

Câu 6: Vùng nào sau đây có năng suất lúa cao nhất nước ta hiện nay?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 7: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở ven biển nước ta?

- A. Trượt đất. B. Cát bay. C. Sóng thần. D. Lũ quét.

Câu 8: Hoạt động khai thác thủy sản ở duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện phát triển mạnh do:

- A. ít thiên tai xảy ra. B. hệ thống sông ngòi dày đặc.
C. lao động có trình độ cao. D. có nhiều bãi tôm, bãi cá.

Câu 9: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy Hoàng Liên Sơn thuộc vùng núi nào của nước ta?

- A. Đông Bắc. B. Tây Bắc.
C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 10: Hướng nghiêng chung của địa hình nước ta là hướng nào?

- A. Tây Nam - Đông Bắc. B. Đông - Tây.
C. Bắc - Nam D. Tây Bắc - Đông Nam.

Câu 11: Mục đích chủ yếu của việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là:

- A. sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên và giải quyết việc làm.
B. giải quyết tốt các vấn đề xã hội và đa dạng hóa nền kinh tế.
C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế và khai thác hợp lí tài nguyên.
D. khai thác có hiệu quả các nguồn lực và bảo vệ môi trường.

Câu 12: Tiềm năng thủy điện nước ta tập trung lớn nhất ở hệ thống sông?

- A. Đồng Nai. B. Mã. C. Thu Bồn. D. Hồng.

Câu 13: Đặc điểm đô thị hóa nước ta là:

- A. trình độ đô thị hóa thấp. B. tỉ lệ dân thành thị giảm.
C. phân bố đô thị đều giữa các vùng. D. quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh.

Câu 14: Đồng bằng Thanh Hóa được bồi đắp bởi hệ thống sông:

- A. sông Đà Rằng và sông Thu Bồn.
- B. sông Cả và sông Mã.
- C. sông Mã và sông Chu.
- D. sông Cả và sông Chu.

Câu 15: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung năm của nước ta (0C)

Địa điểm	Lạng Sơn	Hà Nội	Huế	Đà Nẵng	Quy Nhơn	TP Hồ Chí Minh
Nhiệt TB năm	21,2	23,5	25,1	25,7	26,8	27,1

Tại sao nhiệt độ trung bình năm của nước ta tăng khi đi từ Bắc vào Nam?

- A. Càng vào Nam góc chiếu sáng càng lớn
- B. Càng vào Nam diện tích biển càng lớn
- C. Càng vào Nam diện tích đồi núi càng ít
- D. Càng vào Nam ảnh hưởng của gió mùa đông Bắc càng giảm

Câu 16: Chăn nuôi lợn tập trung nhiều ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do vùng này có:

- A. nguồn vốn đầu tư lớn.
- B. cơ sở thức ăn dồi dào.
- C. cơ sở vật chất hiện đại.
- D. lao động có trình độ cao.

Câu 17: Vị trí địa lí của Tây Nguyên có sự khác biệt với các vùng khác như thế nào?

- A. Giáp với nhiều vùng.
- B. Giáp với Campuchia.
- C. Không giáp biển.
- D. Giáp Lào.

Câu 18: Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất:

- A. Cận xích đạo gió mùa.
- B. cận nhiệt đới gió mùa.
- C. nhiệt đới gió mùa.
- D. Ôn đới gió mùa.

Câu 19: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, xác định loại khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở vùng Tây Nguyên?

- A. Sắt.
- B. Vàng.
- C. Bôxít.
- D. Than bùn.

Câu 20: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, xác định tỉnh duy nhất ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ vừa có đường biên giới vừa có đường bờ biển thuộc tỉnh?

- A. Khánh Hòa.
- B. Quảng Nam.
- C. Quảng Ngãi.
- D. Bình Thuận.

Câu 21: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6,7 cho biết dãy núi nào nằm ở phía Đông của vùng núi Tây Bắc?

- A. Hoàng Liên Sơn.
- B. Pu-đen đing.
- C. Con Voi.
- D. Pu-sam-sao.

Câu 22: Đồng bằng nước ta tập trung dân cư đông đúc do:

- A. diện tích đất rộng, có nhiều khoáng sản.
- B. địa hình bằng phẳng, chủ yếu trồng lúa nước.
- C. chủ yếu trồng lúa nước, nhiều dân tộc sinh sống.
- D. nhiều dân tộc sinh sống, diện tích đất rộng.

Câu 23: Bình quân lương thực theo đầu người của vùng Đồng bằng sông Hồng vẫn thấp hơn một số vùng khác là do:

- A. sản lượng lương thực thấp.
- B. sức ép quá lớn của dân số.
- C. điều kiện sản xuất lương thực hạn chế.
- D. năng suất trồng lương thực thấp.

Câu 24: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, tuyến đường biển quan trọng nhất của nước ta là?

- A. Hải Phòng - Đà Nẵng.
- B. TP Hồ Chí Minh - Quy Nhơn.
- C. Hải Phòng - Cửa Lò.
- D. TP Hồ Chí Minh - Hải Phòng.

Câu 25: ¾ diện tích đất nhiễm mặn, nhiễm phèn là đặc điểm của vùng:

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 26: Tại sao ven biển duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện thuận lợi để sản xuất muối?

- A. Bờ biển có nhiều vịnh, vịnh, đầm phá.
- B. Nhiệt độ cao, nhiều nắng, chỉ có ít sông nhỏ đổ ra biển.
- C. Bờ biển dài và nhiều vũng vịnh nước sâu.
- D. Biển nông, nhiều sông suối đổ ra biển.

- Câu 27:** Điểm giống nhau cơ bản của vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là:
A. có nhiều cao nguyên. **B.** thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.
C. có nhiều núi cao đồ sộ. **D.** đồi núi thấp chiếm ưu thế.
- Câu 28:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta giáp Trung Quốc?
A. Thanh Hóa. **B.** Hòa Bình. **C.** Cao Bằng. **D.** Nghệ An.
- Câu 29:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, xác định điểm bắt đầu và kết thúc của quốc lộ 1A thuộc địa phận các tỉnh thành nào?
A. Lào Cai và Cà Mau. **B.** Cao Bằng và Cà Mau.
C. Lạng Sơn và Cà Mau. **D.** Hà Giang và Cà Mau.
- Câu 30:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng cánh cung?
A. Con Voi. **B.** Pu Đen Đinh. **C.** Pu Sam Sao. **D.** Bắc Sơn.
- Câu 31:** Cơ sở nhiên liệu chủ yếu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc nước ta hiện nay là:
A. dầu mỏ. **B.** than bùn. **C.** than đá. **D.** khí tự nhiên.
- Câu 32:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6,7, hãy xác định Vân Phong và Cam Ranh là hai vịnh biển thuộc tỉnh (thành) nào?
A. Khánh Hoà. **B.** Bình Thuận. **C.** Quảng Ninh. **D.** Đà Nẵng.
- Câu 33:** Loại gió nào hoạt động quanh năm ở nước ta?
A. Gió phơn Tây Nam. **B.** Gió mùa Tây Nam.
C. Gió mùa Đông Bắc. **D.** Tín phong bán cầu Bắc.
- Câu 34:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, xác định vườn quốc gia Chư-yang-sin thuộc địa phận tỉnh nào?
A. Kon Tum. **B.** Gia Lai. **C.** Đắk Lắk. **D.** Đắk Nông.
- Câu 35:** **Câu 7** Đô thị nào sau đây ra đời ở thế kỉ XVI - XVIII?
A. Thăng Long. **B.** Cổ Loa. **C.** Phố Hiến. **D.** Âu Lạc.
- Câu 36:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, xác định năm 2007 hai tỉnh dẫn đầu về nuôi trồng thủy sản nước ta là?
A. An Giang và Kiên Giang. **B.** An Giang và Cần Thơ.
C. An Giang và Cà Mau. **D.** An Giang và Đồng Tháp.
- Câu 37:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, xác định hai nhà máy thủy điện có công suất lớn thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. Hòa Bình, Sơn La. **B.** Tuyên Quang, Thác Bà.
C. Hàm Thuận, Sông Hinh. **D.** Trị An, Yaly.
- Câu 38:** Mưa vào mùa thu đông là đặc điểm ở miền nào của nước ta?
A. Đông Bắc. **B.** Tây Bắc. **C.** Miền Trung. **D.** Đông Nam Bộ.
- Câu 39:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, xác định công nghiệp chế biến chè ở nước ta phân bố ở vùng:
A. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.
B. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.
D. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
- Câu 40:** Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 24, xác định các thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta những năm gần đây?
A. Hoa Kì, Nhật Bản, Trung Quốc. **B.** Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc.
C. Thái Lan, Hoa Kì, Hàn Quốc. **D.** Hàn Quốc, Thái Lan, Nhật Bản.

----- HẾT -----

ĐỀ SỐ 3

Câu 1: Tiềm năng thủy điện nước ta tập trung lớn nhất ở khu vực nào?

- A. Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ.
C. Trung du miền núi phía Bắc. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc nước ta (từ dãy Bạch Mã trở ra)?

- A. Nhiệt độ trung bình trên 20°C. B. Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.
C. Có 2 – 3 tháng nhiệt độ dưới 18°C. D. Trong năm có một mùa đông lạnh.

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Sự biến động diện tích rừng qua một số năm

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43,0
1983	7,2	6,8	0,4	22,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0

Biểu đồ nào thích hợp nhất để thể hiện sự biến động diện tích rừng qua các năm?

- A. Tròn. B. Cột ghép. C. Miền. D. Kết hợp.

Câu 4: Nguyên nhân cơ bản thúc đẩy quá trình đô thị hoá ở nước ta hiện nay là

- A. nước ta hội nhập quốc tế và khu vực.
B. nước ta thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài.
C. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang được đẩy mạnh.
D. nền kinh tế nước ta chuyển sang cơ chế thị trường.

Câu 5: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, xác định nhà máy thủy điện Yaly được xây dựng trên sông nào?

- A. Xê Xan. B. Xrê Pôk. C. Đồng Nai. D. Đa Nhim.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây của Đồng bằng sông Hồng có quy mô trên 15 đến 100 nghìn tỉ đồng?

- A. Hà Nội. B. Hải Phòng. C. Nam Định. D. Thái Nguyên.

Câu 7: Dân tộc nào sau đây chiếm tỉ lệ lớn nhất trong dân số nước ta?

- A. Thái. B. Kinh. C. Tày. D. Hoa.

Câu 8: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên là:

- A. gió mùa Đông Bắc. B. Gió mùa Tây Nam.
C. gió phơn Tây Nam. D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Đông Bắc nước ta?

- A. Thấp dần về phía Đông Bắc. B. Có nhiều dãy núi cao đồ sộ.
C. Hướng núi chính vòng cung. D. Có nhiều cao nguyên badan.

Câu 10: Điều kiện thuận lợi nhất để nước ta phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ là

- A. có vùng đặc quyền kinh tế rộng. B. các ô trũng ở đồng bằng.
C. có nhiều sông suối, ao hồ. D. có các bãi triều, đầm phá.

Câu 11: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết các tỉnh có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh dưới 10% (năm 2007) phân bố chủ yếu ở 2 vùng nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.
B. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.
C. Trung du miền núi Bắc Bộ, đồng bằng sông Hồng.
D. Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên.

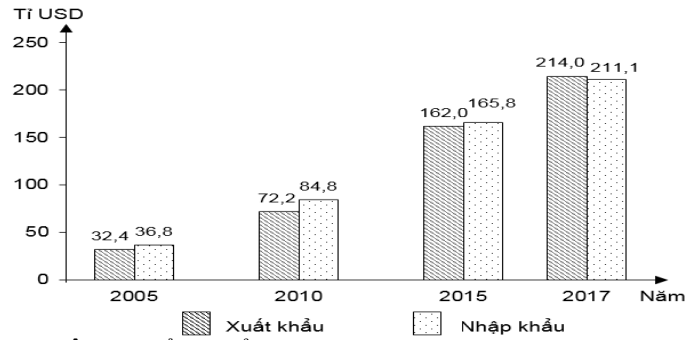
Câu 12: Ngành giao thông vận tải nào sau đây có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất ở nước ta hiện nay?

- A. Đường biển. B. Đường hàng không.
C. Đường bộ. D. Đường sắt.

Câu 13: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, khu vực, quốc gia, vùng lãnh thổ nào có tỉ trọng tăng nhiều nhất trong cơ cấu khách du lịch quốc tế đến Việt Nam giai đoạn 2000- 2007?

- A. Hàn Quốc. B. Trung Quốc. C. Đông Nam Á. D. Đài Loan.

Câu 14: Cho biểu đồ:



GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2005 - 2017

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về xuất nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2005 - 2017?

- A. Xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu.
- B. Xuất khẩu luôn lớn hơn nhập khẩu.
- C. Việt Nam luôn là nước nhập siêu.
- D. Nhập khẩu tăng nhiều hơn xuất khẩu.

Câu 15: Thế mạnh nổi bật của duyên hải Nam Trung Bộ trong phát triển giao thông vận tải biển so với Bắc Trung Bộ là:

- A. vùng biển ít chịu ảnh hưởng của bão, gió mùa đông bắc.
- B. nhiều vũng, vịnh nước sâu và gần tuyến hàng hải quốc tế.
- C. có nhiều địa điểm thuận lợi để xây dựng cảng tổng hợp.
- D. có nhiều đảo thuận lợi cho tàu thuyền neo đậu, trú ẩn.

Câu 16: Căn cứ vào biểu đồ đường trong Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết lưu lượng nước của sông Hồng, sông Cửu Long, sông Đà Rằng đạt mức cao nhất lần lượt là các tháng là:

- A. tháng 7, 9, 11.
- B. tháng 8, 10, 11.
- C. tháng 9, 10, 11.
- D. tháng 7, 9, 10.

Câu 17: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta giáp Trung Quốc?

- A. Thanh Hóa.
- B. Nghệ An.
- C. Cao Bằng.
- D. Hòa Bình.

Câu 18: Xu hướng nổi bật nhất của ngành chăn nuôi nước ta hiện nay là:

- A. tăng tỉ trọng sản phẩm không giết thịt.
- B. phát triển mạnh dịch vụ về giống, thú y.
- C. đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.
- D. ứng dụng tiến bộ khoa học và kĩ thuật.

Câu 19: Biện pháp nào sau đây được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta?

- A. Đào hồ kiểu vây cá.
- B. Làm ruộng bậc thang.
- C. Trồng cây theo băng.
- D. Chống nhiễm mặn.

Câu 20: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy xác định tỉnh nào sau đây ở Bắc Trung Bộ có thể mạnh về quặng sắt để phát triển công nghiệp luyện kim đen?

- A. Hà Tĩnh.
- B. Nghệ An.
- C. Quảng Trị.
- D. Quảng Bình.

Câu 21: Hai vấn đề quan trọng nhất trong bảo vệ môi trường ở nước ta là:

- A. mất cân bằng sinh thái môi trường và suy giảm tài nguyên nước.
- B. suy giảm đa dạng sinh vật và mất cân bằng sinh thái môi trường.
- C. mất cân bằng sinh thái môi trường và ô nhiễm môi trường.
- D. mất cân bằng sinh thái môi trường và suy giảm tài nguyên đất.

Câu 22: Vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng trồng được rau ôn đới chủ yếu do có

- A. các loại đất với đặc tính phù hợp.
- B. đất đai màu mỡ, mùa đông lạnh.
- C. hai mùa mưa, khô tiếp nối nhau.
- D. nguồn nước dồi dào, nhiệt ẩm đủ.

Câu 23: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ nào sau đây **không** nối trực tiếp Quốc lộ 1 với Lào?

- A. Quốc lộ 7.
- B. Quốc lộ 8.
- C. Quốc lộ 9.
- D. Quốc lộ 6.

Câu 24: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng là:

- A. giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đa dạng sản phẩm.
- B. tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.
- C. giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
- D. nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.

Câu 25: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hai đô thị nào sau đây có quy mô dân số lớn nhất vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Cẩm Phả và Bắc Giang
- B. Thái Nguyên và Việt Trì.

C. Thái Nguyên và Hạ Long.

D. Hạ Long và Việt Trì.

Câu 26: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của Tây Nguyên, chiếm tỉ trọng cao nhất thuộc ngành nào?

A. Nông, lâm, thủy sản.

B. Dịch vụ.

C. Thương mại.

D. Công nghiệp - xây dựng.

Câu 27: Thành phố trực thuộc trung ương ở duyên hải Nam Trung Bộ là:

A. Tuy Hòa.

B. Quy Nhơn.

C. Nha Trang.

D. Đà Nẵng.

Câu 28: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết tỉnh nào ở Tây Nguyên **không** giáp với Campuchia?

A. Lâm Đồng.

B. Đắk Nông.

C. Gia Lai.

D. Kon Tum.

Câu 29: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết các vườn quốc gia Bù Gia Mập thuộc địa phận tỉnh nào?

A. Đồng Tháp.

B. Long An.

C. Tây Ninh.

D. Bình Phước.

Câu 30: Nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên nước ta có:

A. Sông ngòi dày đặc.

B. khoáng sản phong phú.

C. tổng bức xạ lớn.

D. địa hình đa dạng.

Câu 31: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất?

A. Cà Mau.

B. Bạc Liêu.

C. Đồng Tháp.

D. An Giang.

Câu 32: Phát biểu nào sau đây đúng về chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta hiện nay?

A. Lĩnh vực kinh tế then chốt do Nhà nước quản lí.

B. Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời và phát triển.

C. Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.

D. Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng.

Câu 33: Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất của Tây Nguyên để trồng các cây công nghiệp lâu năm là có:

A. địa hình tương đối bằng phẳng.

B. đất badan màu mỡ, rộng lớn.

C. nguồn nước sông, hồ dồi dào.

D. mùa mưa và mùa khô rõ rệt.

Câu 34: Vùng nào sau đây có số dân đô thị lớn nhất nước ta hiện nay?

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Đông Nam Bộ.

C. Duyên Hải Nam Trung Bộ.

D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 35: Cơ sở nhiên liệu chủ yếu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam nước ta hiện nay là:

A. than đá, than nâu.

B. khí tự nhiên, dầu mỏ.

C. dầu mỏ, than đá.

D. than bùn, than đá.

Câu 36: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung năm của nước ta (0°C)

Địa điểm	Lạng Sơn	Hà Nội	Huế	Đà Nẵng	Quy Nhơn	TP Hồ Chí Minh
Nhiệt TB năm	21,2	23,5	25,1	25,7	26,8	27,1

Tại sao nhiệt độ trung bình năm của nước ta tăng khi đi từ Bắc vào Nam?

A. Càng vào Nam diện tích biển càng lớn.

B. Càng vào Nam diện tích đồi núi càng ít.

C. Càng vào Nam góc chiếu sáng càng lớn.

D. Càng vào Nam ảnh hưởng của gió mùa đông Bắc càng giảm.

Câu 37: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng cánh cung?

A. Pu Đen Đinh.

B. Hoàng Liên Sơn.

C. Pu Sam Sao.

D. Đông Triều.

Câu 38: Loại đất nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Đất phèn.

B. Đất xám.

C. Đất phù sa.

D. đất mặn.

Câu 39: Tại Bắc Trung Bộ hiện nay, rừng giàu tập trung nhiều nhất ở các tỉnh nào sau đây?

A. Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế.

B. Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

C. Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình.

D. Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

Câu 40: Các thiên tai xảy ra nhiều ở vùng biển nước ta là:

A. Bão, sạt lở bờ biển, sóng thần.

B. Bão, cát bay cát nhậy, động đất.

C. Bão, sạt lở bờ biển, cát bay cát nhậy.

D. Bão, sạt lở bờ biển, lũ quét.

----- HẾT -----

ĐỀ SỐ 4

Câu 1: Thế mạnh nổi bật của duyên hải Nam Trung Bộ trong phát triển giao thông vận tải biển so với Bắc Trung Bộ là:

- A. vùng biển ít chịu ảnh hưởng của bão, gió mùa đông bắc.
- B. nhiều vũng, vịnh nước sâu và gần tuyến hàng hải quốc tế.
- C. có nhiều đảo thuận lợi cho tàu thuyền neo đậu, trú ẩn.
- D. có nhiều địa điểm thuận lợi để xây dựng cảng tổng hợp.

Câu 2: Hai vấn đề quan trọng nhất trong bảo vệ môi trường ở nước ta là:

- A. mất cân bằng sinh thái môi trường và suy giảm tài nguyên đất.
- B. mất cân bằng sinh thái môi trường và ô nhiễm môi trường.
- C. suy giảm đa dạng sinh vật và mất cân bằng sinh thái môi trường.
- D. mất cân bằng sinh thái môi trường và suy giảm tài nguyên nước.

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung năm của nước ta (0^C)

Địa điểm	Lạng Sơn	Hà Nội	Huế	Đà Nẵng	Quy Nhơn	TP Hồ Chí Minh
Nhiệt TB năm	21,2	23,5	25,1	25,7	26,8	27,1

Tại sao nhiệt độ trung bình năm của nước ta tăng khi đi từ Bắc vào Nam?

- A. Càng vào Nam diện tích đồi núi càng ít.
- B. Càng vào Nam diện tích biển càng lớn.
- C. Càng vào Nam góc chiếu sáng càng lớn.
- D. Càng vào Nam ảnh hưởng của gió mùa đông Bắc càng giảm.

Câu 4: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên là:

- A. gió phơn Tây Nam.
- B. Gió mùa Tây Nam.
- C. gió mùa Đông Bắc.
- D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 5: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, xác định nhà máy thủy điện Yaly được xây dựng trên sông nào?

- A. Xrê Pôk.
- B. Đồng Nai.
- C. Xê Xan.
- D. Đa Nhim.

Câu 6: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng cánh cung?

- A. Đông Triều.
- B. Pu Đen Đinh.
- C. Pu Sam Sao.
- D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 7: Điều kiện thuận lợi nhất để nước ta phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ là

- A. có nhiều sông suối, ao hồ.
- B. có các bãi triều, đầm phá.
- C. có vùng đặc quyền kinh tế rộng.
- D. các ô trũng ở đồng bằng.

Câu 8: Tại Bắc Trung Bộ hiện nay, rừng giàu tập trung nhiều nhất ở các tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế.
- B. Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.
- C. Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình.
- D. Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

Câu 9: Biện pháp nào sau đây được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta?

- A. Đào hồ kiểu vẩy cá.
- B. Chống nhiễm mặn.
- C. Làm ruộng bậc thang.
- D. Trồng cây theo băng.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc nước ta (từ dãy Bạch Mã trở ra)?

- A. Trong năm có một mùa đông lạnh.
- B. Nhiệt độ trung bình trên 20⁰C.
- C. có 2 – 3 tháng nhiệt độ dưới 18⁰C.
- D. Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.

Câu 11: Cơ sở nhiên liệu chủ yếu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam nước ta hiện nay là:

- A. dầu mỏ, than đá.
- B. than đá, than nâu.
- C. than bùn, than đá.
- D. khí tự nhiên, dầu mỏ.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây đúng về chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta hiện nay?

- A. Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng.
- B. Lĩnh vực kinh tế then chốt do Nhà nước quản lí.
- C. Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.
- D. Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời và phát triển.

Câu 13: Nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên nước ta có:

- C. Sông ngòi dày đặc.
- B. khoáng sản phong phú.
- C. tổng bức xạ lớn.
- D. địa hình đa dạng.

Câu 14: Xu hướng nổi bật nhất của ngành chăn nuôi nước ta hiện nay là:

- A. tăng tỉ trọng sản phẩm không giết thịt.
- B. ứng dụng tiến bộ khoa học và kĩ thuật.
- C. đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.
- D. phát triển mạnh dịch vụ về giống, thú y.

Câu 15: Căn cứ vào biểu đồ đường trong Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết lưu lượng nước của sông Hồng, sông Cửu Long, sông Đà Rằng đạt mực cao nhất lần lượt là các tháng là:

- A. tháng 7,9,10.
- B. tháng 9,10,11.
- C. tháng 7, 9, 11.
- D. tháng 8, 10, 11.

Câu 16: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của Tây Nguyên, chiếm tỉ trọng cao nhất thuộc ngành nào?

- A. Thương mại.
- B. Nông, lâm, thủy sản.
- C. Dịch vụ.
- D. Công nghiệp - xây dựng.

Câu 17: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết tỉnh nào ở Tây Nguyên **không** giáp với Campuchia?

- A. Gia Lai.
- B. Đắk Nông.
- C. Lâm Đồng.
- D. Kon Tum.

Câu 18: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết các vườn quốc gia Bù Gia Mập thuộc địa phận tỉnh nào?

- A. Bình Phước.
- B. Đồng Tháp.
- C. Tây Ninh.
- D. Long An.

Câu 19: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy xác định tỉnh nào sau đây ở Bắc Trung Bộ có thể mạnh về quặng sắt để phát triển công nghiệp luyện kim đen?

- A. Nghệ An.
- B. Hà Tĩnh.
- C. Quảng Trị.
- D. Quảng Bình.

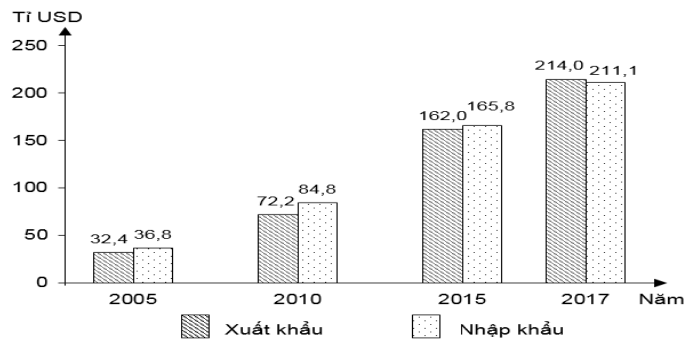
Câu 20: Vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng trồng được rau ôn đới chủ yếu do có

- A. nguồn nước dồi dào, nhiệt ẩm đủ.
- B. đất đai màu mỡ, mùa đông lạnh.
- C. các loại đất với đặc tính phù hợp.
- D. hai mùa mưa, khô tiếp nối nhau.

Câu 21: Câu 7 Nguyên nhân cơ bản thúc đẩy quá trình đô thị hoá ở nước ta hiện nay là

- A. nước ta thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài.
- B. nước ta hội nhập quốc tế và khu vực.
- C. nền kinh tế nước ta chuyển sang cơ chế thị trường.
- D. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang được đẩy mạnh.

Câu 22: Cho biểu đồ:



GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2005 - 2017

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về xuất nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2005 - 2017?

- A. Xuất khẩu luôn lớn hơn nhập khẩu.
- B. Xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu.
- C. Nhập khẩu tăng nhiều hơn xuất khẩu.
- D. Việt Nam luôn là nước nhập siêu.

Câu 23: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Đông Bắc nước ta?

- A. Có nhiều cao nguyên badan.
- B. Hướng núi chính vòng cung.
- C. Có nhiều dãy núi cao đồ sộ.
- D. Thấp dần về phía Đông Bắc.

Câu 24: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây của Đồng bằng sông Hồng có quy mô trên 15 đến 100 nghìn tỉ đồng?

- A. Hải Phòng.
- B. Nam Định.
- C. Thái Nguyên.
- D. Hà Nội.

Câu 25: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất?

- A. An Giang. B. Cà Mau. C. Bạc Liêu. D. Đồng Tháp.

Câu 26: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, khu vực, quốc gia, vùng lãnh thổ nào có tỉ trọng tăng nhiều nhất trong cơ cấu khách du lịch quốc tế đến Việt Nam giai đoạn 2000- 2007?

- A. Hàn Quốc. B. Đông Nam Á. C. Đài Loan. D. Trung Quốc.

Câu 27: Ngành giao thông vận tải nào sau đây có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất ở nước ta hiện nay?

- A. Đường bộ. B. Đường hàng không. C. Đường sắt. D. Đường biển.

Câu 28: Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất của Tây Nguyên để trồng các cây công nghiệp lâu năm là có:

- A. nguồn nước sông, hồ dồi dào. B. mùa mưa và mùa khô rõ rệt.
C. địa hình tương đối bằng phẳng. D. đất badan màu mỡ, rộng lớn.

Câu 29: Loại đất nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Đất phù sa. B. Đất xám. C. Đất phèn. D. đất mặn.

Câu 30: Vùng nào sau đây có số dân đô thị lớn nhất nước ta hiện nay?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đông Nam Bộ.
C. Duyên Hải Nam Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 31: Thành phố trực thuộc trung ương ở duyên hải Nam Trung Bộ là:

- A. Đà Nẵng. B. Quy Nhơn. C. Tuy Hòa. D. Nha Trang.

Câu 32: Dân tộc nào sau đây chiếm tỉ lệ lớn nhất trong dân số nước ta?

- A. Tày. B. Hoa. C. Kinh. D. Thái.

Câu 33: Các thiên tai xảy ra nhiều ở vùng biển nước ta là:

- A. Bão, sạt lở bờ biển, sóng thần. B. Bão, sạt lở bờ biển, lũ quét.
C. Bão, sạt lở bờ biển, cát bay cát nhảy. D. Bão, cát bay cát nhảy, động đất.

Câu 34: Tiềm năng thủy điện nước ta tập trung lớn nhất ở khu vực nào?

- A. Trung du miền núi phía Bắc. B. Đông Nam Bộ.
C. Tây Nguyên. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 35: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng là:

- A. nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.
B. giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đa dạng sản phẩm.
C. giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
D. tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.

Câu 36: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta giáp Trung Quốc?

- A. Nghệ An. B. Thanh Hóa. C. Hòa Bình. D. Cao Bằng.

Câu 37: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hai đô thị nào sau đây có quy mô dân số lớn nhất vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Cẩm Phả và Bắc Giang B. Hạ Long và Việt Trì.
C. Thái Nguyên và Hạ Long. D. Thái Nguyên và Việt Trì.

Câu 38: Cho bảng số liệu:

Sự biến động diện tích rừng qua một số năm

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43,0
1983	7,2	6,8	0,4	22,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0

Biểu đồ nào thích hợp nhất để thể hiện sự biến động diện tích rừng qua các năm?

- A. Cột ghép. B. Tròn. C. Miền. D. Kết hợp.

Câu 39: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ nào sau đây **không** nối trực tiếp Quốc lộ 1 với Lào?

- A. Quốc lộ 7. B. Quốc lộ 8. C. Quốc lộ 6. D. Quốc lộ 9.

Câu 40: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết các tỉnh có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh dưới 10% (năm 2007) phân bố chủ yếu ở 2 vùng nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long. B. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.
C. Trung du miền núi Bắc Bộ, đồng bằng sông Hồng. D. Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên.

----- HẾT -----

ĐỀ SỐ 5

Câu 1: Đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất nước chủ yếu là do

- A. nhiều ngư trường trọng điểm.
- B. vùng biển rộng, thềm lục địa nông.
- C. điều kiện tự nhiên ổn định
- D. nhiều bãi triều, diện tích mặt nước lớn.

Câu 2: Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nước ta phân bố phụ thuộc vào những yếu tố nào?

- A. Nguồn lao động và thị trường tiêu thụ.
- B. Cơ sở hạ tầng và thị trường tiêu thụ.
- C. Nguồn lao động và cơ sở hạ tầng.
- D. Nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

Câu 3: Vùng nào hiện nay phát triển công nghiệp mạnh nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng Bằng Sông Hồng.

Câu 4: Ở nước ta, gió Phơn Tây Nam hoạt động mạnh nhất ở đâu?

- A. Nam Bộ.
- B. Bắc Bộ.
- C. Tây Nguyên.
- D. Đồng bằng ven biển Trung Bộ.

Câu 5: Vùng biển đặc quyền về kinh tế nước ta rộng bao nhiêu hải lý?

- A. 12 hải lý.
- B. 120 hải lý.
- C. 200 hải lý.
- D. 20 hải lý.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy xác định những trung tâm công nghiệp nào dưới đây có giá trị sản xuất công nghiệp năm 2007 từ 40 - 120 nghìn tỉ đồng?

- A. Thủ Dầu Một, Hải Phòng, Biên Hòa.
- B. Hà Nội, Biên Hòa, Thủ Dầu Một.
- C. Hà Nội, Biên Hòa, TP Hồ Chí Minh.
- D. Hải Phòng, Đà Nẵng, Biên Hòa.

Câu 7: Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào ở nước ta mới được coi là nhỏ nhất?

- A. Khu công nghiệp.
- B. Trung tâm công nghiệp.
- C. Điểm công nghiệp.
- D. Vùng công nghiệp.

Câu 8: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢNG TRÂU, BÒ NĂM 2005 CỦA NƯỚC TA. (Đơn vị: nghìn con)

	Cả nước	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Tây Nguyên
Trâu	2922,2	1679,5	79,1
Bò	5540,7	899,8	616,9

Biểu đồ nào thích hợp nhất để thể hiện số lượng trâu và bò của cả nước, Trung Du- miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên năm 2005?

- A. Biểu đồ kết hợp giữa cột và đường.
- B. Biểu đồ đường.
- C. Biểu đồ cột ghép.
- D. Biểu đồ cột chồng.

Câu 9: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy xác định tỉnh nào dẫn đầu về sản lượng đánh bắt thủy sản của nước ta năm 2007?

- A. Nghệ An.
- B. Bà Rịa -Vũng Tàu
- C. Kiên Giang.
- D. Bình Thuận.

Câu 10: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết vùng núi Tây Bắc nằm giữa 2 con sông nào?

- A. Sông Đà và Sông Mã.
- B. Sông Hồng và sông Cả.
- C. Sông Cả và sông Mã.
- D. Sông Đà và Sông Thái Bình.

Câu 11: Việc phân chia các trung tâm công nghiệp ở nước ta thành trung tâm có ý nghĩa quốc gia, trung tâm có ý nghĩa vùng, trung tâm có ý nghĩa địa phương là dựa vào tiêu chí nào?

- A. Giá trị sản xuất của trung tâm công nghiệp.
- B. Vị trí địa lí của trung tâm công nghiệp.
- C. Diện tích của trung tâm công nghiệp.
- D. Vai trò của trung tâm công nghiệp.

Câu 12: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết vườn quốc gia U Minh Thượng thuộc tỉnh nào?

- A. Cần Thơ.
- B. Kiên Giang.
- C. An Giang.
- D. Cà Mau.

Câu 13: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết vào năm 2007 những tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh cao nhất?

- A. Tuyên Quang, Quảng Bình, Kon Tum, Lâm Đồng.
- B. Tuyên Quang, Thừa Thiên Huế, Kon Tum, Đắk Lắk.
- C. Quảng Bình, Kon Tum, Lâm Đồng, Cà Mau.
- D. Tuyên Quang, Quảng Trị, Kon Tum, Lâm Đồng.

Câu 14: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết có mấy nhà máy nhiệt điện có công suất trên 1000MW?

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 5.

Câu 15: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, hãy xác định than Antraxit tập trung chủ yếu ở khu vực tỉnh nào?

- A. Quảng Bình. B. Quảng Ninh. C. Quảng Trị. D. Quảng Nam.

Câu 16: Tại sao ở Trung du miền núi nước ta cây công nghiệp lâu năm được trồng chủ yếu?

- A. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại. B. Địa hình, đất đai phù hợp.
C. Nguồn lao động dồi dào, kỹ thuật cao. D. Thị trường tiêu thụ lớn, ổn định.

Câu 17: Vùng nào của Việt Nam nằm trong phạm vi 2 ngư trường trọng điểm?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Duyên hải Bắc Trung Bộ.

Câu 18: Công nghiệp chế biến chè ở nước ta phân bố chủ yếu ở vùng nào?

- A. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
B. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.
C. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.
D. Trung Du và miền núi Bắc Bộ và vùng Tây Nguyên.

Câu 19: Hệ thống sông nào có tiềm năng thủy điện lớn nhất nước ta?

- A. Hệ thống sông Mê Công. B. Hệ thống sông Cả.
C. Hệ thống sông Đồng Nai. D. Hệ thống sông Hồng.

Câu 20: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, chăn nuôi lợn và gia cầm tập trung nhiều nhất ở vùng nào của nước ta?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.
B. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Nam Trung Bộ.
D. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 21: Do sự phân hóa Đông - Tây, thiên nhiên của vùng núi thấp Tây Bắc mang sắc thái cảnh quan nào?

- A. Cận xích đạo gió mùa. B. Cận nhiệt gió mùa.
C. Nhiệt đới gió mùa. D. Ôn đới gió mùa.

Câu 22: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết địa điểm nào sau đây là điểm công nghiệp của nước ta?

- A. Tĩnh Túc. B. Huế. C. Quy Nhơn. D. Vinh.

Câu 23: Vùng nào của nước ta có năng suất lúa cao nhất trong cả nước?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ B. ĐB sông Hồng.
C. Đông Nam Bộ. D. ĐB sông Cửu Long.

Câu 24: Theo quy hoạch của bộ công thương (năm 2001) cả nước ta phân chia thành bao nhiêu vùng công nghiệp?

- A. 7. B. 8. C. 6. D. 5.

Câu 25: Căn cứ vào Atlas Việt Nam trang 19, hãy xác định hai tỉnh dẫn đầu về sản lượng lúa ở đồng bằng sông Cửu Long năm 2007:

- A. An Giang, Đồng Tháp. B. Kiên Giang, Long An.
C. An Giang, Kiên Giang. D. Long An, Đồng Tháp.

Câu 26: Vùng nuôi tôm lớn nhất của nước ta hiện nay là vùng?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 27: Cây công nghiệp nào quan trọng nhất ở Tây Nguyên?

- A. Hồ tiêu. B. Chè. C. Cao Su. D. Cà Phê.

Câu 28: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, 22, hãy xác định nhà máy thủy điện Trị An nằm trên sông nào?

- A. Sông Srê-Pôk. B. Sông La Ngà. C. Sông Đồng Nai. D. Sông Xê Xan.

Câu 29: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, trung tâm công nghiệp Đà Nẵng không có ngành nào sau đây?

- A. Đóng tàu. B. Sản xuất vật liệu xây dựng.
C. Dệt may. D. Cơ khí.

Câu 30: Đai ôn đới gió mùa trên núi nước ta chủ yếu là loại đất gì?

- A.** Mùn thô. **B.** Đất badan. **C.** Feralít có mùn. **D.** Đất mùn.

Câu 31: Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015 (nghìn tấn)

Năm	Tổng sản lượng	Chia ra	
		Sản lượng nuôi trồng	Sản lượng khai thác
2010	5143	2718	2415
2013	6020	3216	2804
2014	6333	3413	2920
2015	6582	3532	3050

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản nước ta, giai đoạn 2010 - 2015:

- A.** Sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn hơn sản lượng thủy sản khai thác.
B. Sản lượng thủy sản nuôi trồng chiếm tỉ trọng nhỏ hơn sản lượng thủy sản khai thác trong cơ cấu sản lượng.
C. Tổng sản lượng thủy sản tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.
D. Sản lượng thủy sản khai thác tăng mạnh hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.

Câu 32: Phát triển tổng hợp kinh tế biển là thế mạnh nổi bật của vùng nào của nước ta?

- A.** Duyên hải Nam Trung Bộ **B.** Bắc Trung Bộ.
C. Tây Nguyên. **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 33: Nhà máy thủy điện nào có công suất lớn nhất ở Đông Nam Bộ?

- A.** Đa Nhim. **B.** Trị An. **C.** Thác Mơ. **D.** Cần Đơn.

Câu 34: Yếu tố tự nhiên quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành đánh bắt thủy sản ở nước ta là:

- A.** nguồn lợi thủy sản. **B.** địa hình đáy biển.
C. chế độ thủy văn. **D.** điều kiện khí hậu.

Câu 35: Hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư là thế mạnh nổi bật của vùng nào ở nước ta?

- A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Tây Nguyên.
C. Bắc Trung Bộ. **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 36: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy xác định các nhà máy thủy điện nào dưới đây có công suất trên 1000MW?

- A.** Hòa Bình. **B.** Nậm Mu. **C.** Tuyên Quang. **D.** Hòa Bình.

Câu 37: Căn cứ vào Atlas trang 20 cho biết 2 vùng nào ở nước ta có lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh dưới 10%?

- A.** Đồng bằng sông Hồng và ĐB sông Cửu Long.
B. Đồng Nam Bộ và ĐB sông Cửu Long.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.
D. Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Câu 38: Các nguồn nguyên nhiên liệu chủ yếu để sản xuất điện ở nước ta hiện nay là:

- A.** than, dầu khí, năng lượng Mặt Trời. **B.** sức gió, năng lượng Mặt Trời, than.
C. than, dầu khí, thủy năng. **D.** thủy triều, hạt nhân, sức gió.

Câu 39: Vùng nào có diện tích lớn nhất nước ta?

- A.** Đông Nam Bộ. **B.** Bắc Trung Bộ.
C. Tây Nguyên. **D.** Trung Du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 40: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, các trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim màu?

- A.** Thái Nguyên, TP Hồ Chí Minh. **B.** Hà Nội, TP Hồ Chí Minh.
C. TP Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một. **D.** TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.

----- HẾT -----

ĐỀ SỐ 6

Câu 1: Vùng biển đặc quyền về kinh tế nước ta rộng bao nhiêu hải lý?

- A. 200 hải lý. B. 20 hải lý. C. 120 hải lý. D. 12 hải lý.

Câu 2: Ở nước ta, gió Phơn Tây Nam hoạt động mạnh nhất ở đâu?

- A. Tây Nguyên. B. Nam Bộ.
C. Bắc Bộ. D. Đồng bằng ven biển Trung Bộ.

Câu 3: Do sự phân hóa Đông -Tây, thiên nhiên của vùng núi thấp Tây Bắc mang sắc thái cảnh quan nào?

- A. Ôn đới gió mùa. B. Cận xích đạo gió mùa.
C. Nhiệt đới gió mùa. D. Cận nhiệt gió mùa.

Câu 4: Vùng nào có diện tích lớn nhất nước ta?

- A. Đông Nam Bộ. B. Bắc Trung Bộ.
C. Tây Nguyên. D. Trung Du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 5: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, trung tâm công nghiệp Đà Nẵng không có ngành nào sau đây?

- A. Đóng tàu. B. Sản xuất vật liệu xây dựng.
C. Cơ khí. D. Dệt may.

Câu 6: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết có mấy nhà máy nhiệt điện có công suất trên 1000MW?

- A. 3. B. 5. C. 2. D. 4.

Câu 7: Cho bảng số liệu: SỐ LƯỢNG TRÂU, BÒ NĂM 2005 CỦA NƯỚC TA. (Đơn vị: nghìn con)

	Cả nước	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Tây Nguyên
Trâu	2922,2	1679,5	79,1
Bò	5540,7	899,8	616,9

Biểu đồ nào thích hợp nhất để thể hiện số lượng trâu và bò của cả nước, Trung Du- miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên năm 2005?

- A. Biểu đồ cột ghép. B. Biểu đồ đường.
C. Biểu đồ cột chồng. D. Biểu đồ kết hợp giữa cột và đường.

Câu 8: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết vào năm 2007 những tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh cao nhất?

- A. Tuyên Quang, Quảng Trị, Kon Tum, Lâm Đồng.
B. Tuyên Quang, Thừa Thiên Huế, Kon Tum, Đắk Lắk.
C. Quảng Bình, Kon Tum, Lâm Đồng, Cà Mau.
D. Tuyên Quang, Quảng Bình, Kon Tum, Lâm Đồng.

Câu 9: Công nghiệp chế biến chè ở nước ta phân bố chủ yếu ở vùng nào?

- A. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
B. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.
C. Trung Du và miền núi Bắc Bộ và vùng Tây Nguyên.
D. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 10: Việc phân chia các trung tâm công nghiệp ở nước ta thành trung tâm có ý nghĩa quốc gia, trung tâm có ý nghĩa vùng, trung tâm có ý nghĩa địa phương là dựa vào tiêu chí nào?

- A. Vai trò của trung tâm công nghiệp.
B. Giá trị sản xuất của trung tâm công nghiệp.
C. Vị trí địa lí của trung tâm công nghiệp.
D. Diện tích của trung tâm công nghiệp.

Câu 11: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết vườn quốc gia U Minh Thượng thuộc tỉnh nào?

- A. Cần Thơ. B. An Giang. C. Kiên Giang. D. Cà Mau.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas trang 20 cho biết 2 vùng nào ở nước ta có lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh dưới 10%?

- A. Đồng bằng sông Hồng và ĐB sông Cửu Long.
B. Đông Nam Bộ và ĐB sông Cửu Long.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.
D. Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Câu 13:** Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nước ta phân bố phụ thuộc vào những yếu tố nào?
A. Nguyên liệu và thị trường tiêu thụ. **B.** Nguồn lao động và thị trường tiêu thụ.
C. Cơ sở hạ tầng và thị trường tiêu thụ. **D.** Nguồn lao động và cơ sở hạ tầng.
- Câu 14:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết vùng núi Tây Bắc nằm giữa 2 con sông nào?
A. Sông Đà và Sông Thái Bình. **B.** Sông Cả và sông Mã.
C. Sông Đà và Sông Mã. **D.** Sông Hồng và sông Cả.
- Câu 15:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết địa điểm nào sau đây là điếm công nghiệp của nước ta?
A. Vinh. **B.** Tĩnh Túc. **C.** Quy Nhơn. **D.** Huế.
- Câu 16:** Vùng nào của Việt Nam nằm trong phạm vi 2 ngư trường trọng điếm?
A. Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. **D.** Duyên hải Bắc Trung Bộ.
- Câu 17:** Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015 (nghìn tấn)

Năm	Tổng sản lượng	Chia ra	
		Sản lượng nuôi trồng	Sản lượng khai thác
2010	5143	2718	2415
2013	6020	3216	2804
2014	6333	3413	2920
2015	6582	3532	3050

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

- Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản nước ta, giai đoạn 2010 - 2015:
A. Tổng sản lượng thủy sản tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.
B. Sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn hơn sản lượng thủy sản khai thác.
C. Sản lượng thủy sản khai thác tăng mạnh hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.
D. Sản lượng thủy sản nuôi trồng chiếm tỉ trọng nhỏ hơn sản lượng thủy sản khai thác trong cơ cấu sản lượng.
- Câu 18:** Nhà máy thủy điện nào có công suất lớn nhất ở Đông Nam Bộ?
A. Cần Đơn. **B.** Trị An. **C.** Đa Nhim. **D.** Thác Mơ.
- Câu 19:** Căn cứ vào Atlas Việt Nam trang 19, hãy xác định hai tỉnh dẫn đầu về sản lượng lúa ở đồng bằng sông Cửu Long năm 2007:
A. An Giang, Đồng Tháp. **B.** Kiên Giang, Long An.
C. An Giang, Kiên Giang. **D.** Long An, Đồng Tháp.
- Câu 20:** Vùng nào hiện nay phát triển công nghiệp mạnh nhất nước ta?
A. Đồng Bằng Sông Hồng. **B.** Đông Nam Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.
- Câu 21:** Cây công nghiệp nào quan trọng nhất ở Tây Nguyên?
A. Hồ tiêu. **B.** Chè. **C.** Cao Su. **D.** Cà Phê.
- Câu 22:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, hãy xác định than Anthracit tập trung chủ yếu ở khu vực tỉnh nào?
A. Quảng Trị. **B.** Quảng Nam. **C.** Quảng Ninh. **D.** Quảng Bình.
- Câu 23:** Theo quy hoạch của bộ công thương (năm 2001) cả nước ta phân chia thành bao nhiêu vùng công nghiệp?
A. 7. **B.** 8. **C.** 6. **D.** 5.
- Câu 24:** Hệ thống sông nào có tiềm năng thủy điện lớn nhất nước ta?
A. Hệ thống sông Mê Công. **B.** Hệ thống sông Đồng Nai.
C. Hệ thống sông Cả. **D.** Hệ thống sông Hồng.
- Câu 25:** Vùng nào của nước ta có năng suất lúa cao nhất trong cả nước?
A. Duyên hải Nam Trung Bộ **B.** Đông Nam Bộ.
C. ĐB sông Hồng. **D.** ĐB sông Cửu Long.
- Câu 26:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy xác định tỉnh nào dẫn đầu về sản lượng đánh bắt thủy sản của nước ta năm 2007?
A. Bình Thuận. **B.** Kiên Giang.
C. Bà Rịa - Vũng Tàu **D.** Nghệ An.

- Câu 27:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, 22, hãy xác định nhà máy thủy điện Trị An nằm trên sông nào?
- A. Sông Srê-Pôk. B. Sông La Ngà. C. Sông Xê Xan. D. Sông Đồng Nai.
- Câu 28:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy xác định những trung tâm công nghiệp nào dưới đây có giá trị sản xuất công nghiệp năm 2007 từ 40 - 120 nghìn tỉ đồng?
- A. Hà Nội, Biên Hòa, Thủ Dầu Một. B. Hải Phòng, Đà Nẵng, Biên Hòa.
C. Hà Nội, Biên Hòa, TP Hồ Chí Minh. D. Thủ Dầu Một, Hải Phòng, Biên Hòa.
- Câu 29:** Đai ôn đới gió mùa trên núi nước ta chủ yếu là loại đất gì?
- A. Mùn thô. B. Đất badan. C. Feralít có mùn. D. Đất mùn.
- Câu 30:** Vùng nuôi tôm lớn nhất của nước ta hiện nay là vùng?
- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đông Nam Bộ.
- Câu 31:** Phát triển tổng hợp kinh tế biển là thế mạnh nổi bật của vùng nào của nước ta?
- A. Duyên hải Nam Trung Bộ B. Bắc Trung Bộ.
C. Tây Nguyên. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Câu 32:** Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào ở nước ta mới được coi là nhỏ nhất?
- A. Trung tâm công nghiệp. B. Điểm công nghiệp.
C. Vùng công nghiệp. D. Khu công nghiệp.
- Câu 33:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy xác định các nhà máy thủy điện nào dưới đây có công suất trên 1000MW?
- A. Tuyên Quang. B. Hòa Bình. C. Nậm Mu. D. Hòa Bình.
- Câu 34:** Hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư là thế mạnh nổi bật của vùng nào ở nước ta?
- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Tây Nguyên.
C. Bắc Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Câu 35:** Đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất nước chủ yếu là do
- A. nhiều ngư trường trọng điểm. B. điều kiện tự nhiên ổn định
C. nhiều bãi triều, diện tích mặt nước lớn. D. vùng biển rộng, thềm lục địa nông.
- Câu 36:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, chăn nuôi lợn và gia cầm tập trung nhiều nhất ở vùng nào của nước ta?
- A. Duyên hải Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.
B. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Nam Trung Bộ.
D. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.
- Câu 37:** Các nguồn nguyên nhiên liệu chủ yếu để sản xuất điện ở nước ta hiện nay là:
- A. than, dầu khí, năng lượng Mặt Trời. B. sức gió, năng lượng Mặt Trời, than.
C. thủy triều, hạt nhân, sức gió. D. than, dầu khí, thủy năng.
- Câu 38:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, các trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim màu?
- A. Thái Nguyên, TP Hồ Chí Minh. B. Hà Nội, TP Hồ Chí Minh.
C. TP Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một. D. TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.
- Câu 39:** Yếu tố tự nhiên quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành đánh bắt thủy sản ở nước ta là:
- A. nguồn lợi thủy sản. B. địa hình đáy biển.
C. chế độ thủy văn. D. điều kiện khí hậu.
- Câu 40:** Tại sao ở Trung du miền núi nước ta cây công nghiệp lâu năm được trồng chủ yếu?
- A. Địa hình, đất đai phù hợp. B. Thị trường tiêu thụ lớn, ổn định.
C. Nguồn lao động dồi dào, kĩ thuật cao. D. Cơ sở hạ tầng kĩ thuật hiện đại.

----- HẾT -----

ĐỀ SỐ 7

Câu 1: Trong phát triển du lịch biển, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn vùng Bắc Trung Bộ là do

- A. có nhiều bãi biển đẹp và nổi tiếng hơn. B. có nhiều đặc sản hơn.
C. có vị trí thuận lợi hơn. D. có cơ sở hạ tầng tốt hơn.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết 2 quần đảo xa bờ của duyên hải Nam Trung Bộ là 2 quần đảo nào?

- A. Thổ Chu, Côn Sơn. B. Côn Sơn, Trường Sa.
C. Trường Sa, Hoàng Sa. D. Hoàng Sa, Thổ Chu.

Câu 3: Tuyến đường bộ có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của dải phía Tây nước ta là:

- A. quốc lộ 1. B. quốc lộ 9.
C. đường Hồ Chí Minh. D. quốc lộ 14.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy xác định tháng nào ở nước ta tần suất bão xuất hiện nhiều nhất?

- A. Tháng 9. B. Tháng 10. C. Tháng 11. D. Tháng 12.

Câu 5: Nguyên nhân cơ bản thúc đẩy quá trình đô thị hoá ở nước ta hiện nay là

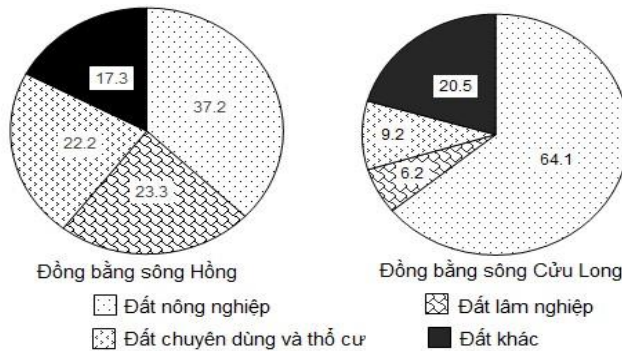
- A. nền kinh tế nước ta chuyển sang cơ chế thị trường.
B. nước ta thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài.
C. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang được đẩy mạnh.
D. nước ta hội nhập quốc tế và khu vực.

Câu 6: Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu là vấn đề tiêu biểu trong phát triển kinh tế của vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Tây Nguyên.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 7: Cho biểu đồ:

CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NĂM 2018



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu sử dụng đất của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Tỷ trọng đất lâm nghiệp ở cả hai đồng bằng tương đương nhau.
B. Đất chuyên dùng, thổ cư ở cả hai vùng đều chiếm tỷ trọng thứ hai.
C. Đất nông nghiệp đều chiếm tỷ trọng lớn nhất ở cả hai đồng bằng.
D. Đất lâm nghiệp ở cả hai đồng bằng đều chiếm tỷ trọng nhỏ nhất.

Câu 8: Ngành giao thông vận tải nào sau đây chiếm tỷ trọng lớn nhất trong luân chuyển hành khách ở nước ta hiện nay?

- A. Đường hàng không. B. Đường biển. C. Đường bộ. D. Đường sắt.

Câu 9: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2015	2019
Khai thác	2414,4	3049,9	3777,7
Nuôi trồng	2728,3	3532,2	4490,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê 2020)

Biểu đồ nào thích hợp nhất để thể hiện sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta qua các năm?

- A. Tròn. B. Kết hợp. C. Cột ghép. D. Miền.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4,5 xác định tỉnh nào sau đây vừa giáp Trung Quốc và Lào?

- A. Sơn La. B. Điện Biên. C. Lào Cai. D. Lai Châu.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy xác định dãy núi nào có giới hạn từ biên giới Việt - Trung tới khuỷu sông Đà là dãy?

- A. Pu-sam-sao. B. Khoan-la-san. C. Pu-den-đỉnh. D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 12: Thế mạnh của ngành trồng trọt ở trung du miền núi Bắc Bộ là phát triển:

- A. cây công nghiệp hàng năm, cây ăn quả, lâm nghiệp.
B. cây lương thực, cây thực phẩm, cây đặc sản vụ đông.
C. cây công nghiệp hàng năm, cây ăn quả nhiệt đới.
D. cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới.

Câu 13: Cho bảng số liệu;**DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG MỚI TẬP TRUNG PHÂN THEO LOẠI RỪNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2019**

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	Rừng sản xuất	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng
2010	225,9	31,1	4,6
2012	217,0	18,5	1,8
2014	227,4	25,0	1,5
2019	256,5	11,1	1,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích rừng trồng mới tập trung phân theo loại rừng của nước ta từ bảng số liệu trên?

- A. Rừng sản xuất xu hướng tăng. B. Rừng phòng hộ giảm liên tục.
C. Rừng đặc dụng tăng, giảm liên tục. D. Rừng phòng hộ diện tích lớn nhất.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết mặt hàng nào sau đây của nước ta có cơ cấu giá trị xuất khẩu cao nhất?

- A. Nông, lâm sản. B. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.
C. Công nghiệp nặng và khoáng sản. D. Máy móc, thiết bị, phụ tùng.

Câu 15: Nước ta dễ dàng giao lưu với các nước trên thế giới do:

- A. có đường bờ biển dài, có nhiều vũng, vịnh, cửa sông.
B. nằm trong vùng nội chí tuyến, có nền nhiệt cao.
C. gần ngã tư đường hàng không, hàng hải quốc tế.
D. ở nơi giao thoa giữa các nền văn minh khác nhau.

Câu 16: Hệ sinh thái nào sau đây ở vùng ven biển nước ta?

- A. Rừng ôn đới. B. Rừng ngập mặn. C. Rừng tre nứa. D. Rừng cận nhiệt.

Câu 17: Hướng chính của các dãy núi ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là:

- A. vòng cung. B. Đông - Tây.
C. Tây Bắc - Đông Nam. D. Bắc - Nam.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết tỉnh nào của duyên hải Nam Trung Bộ vừa có đường biên giới, và có đường bờ biển?

- A. Khánh Hòa. B. Quảng Nam. C. Bình Định. D. Quảng Ngãi.

Câu 19: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Nam nước ta?

- A. Hướng núi Tây Bắc - Đông Nam. B. Có nhiều núi cao hàng đầu cả nước.
C. Gồm nhiều dãy núi chạy song song. D. Có các cao nguyên badan xếp tầng.

Câu 20: Ý nào sau đây là thế mạnh tự nhiên để xây dựng các nhà máy thủy điện ở trung du miền núi Bắc Bộ?

- A. Chế độ nước sông theo mùa. B. Các cao nguyên có mặt bằng rộng.
C. Lượng mưa phân bố đều trong năm. D. Sông lớn chảy trên địa hình dốc.

Câu 21: Dệt may, điện, vật liệu xây dựng là hướng chuyên môn hóa sản xuất của cụm công nghiệp nào sau đây?

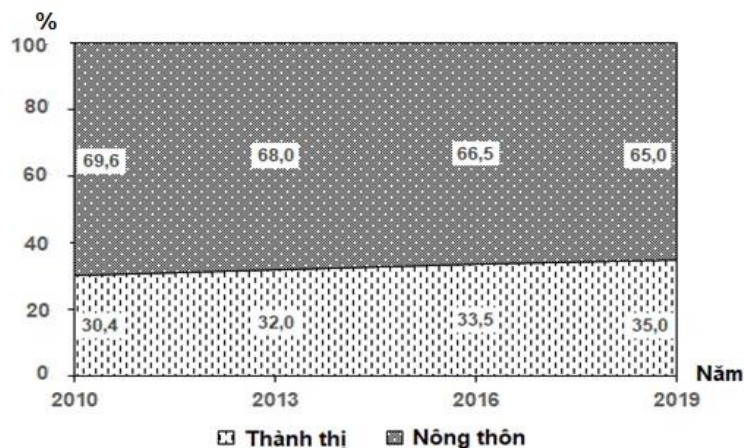
- A. Nam Định - Ninh Bình - Thanh Hóa. B. Hải Phòng - Hạ Long - Cẩm Phả.
C. Việt Trì - Lâm Thao - Phú Thọ. D. Đáp Cầu - Bắc Giang.

Câu 22: Khó khăn lớn nhất về mặt tự nhiên đối với hoạt động khai thác thủy sản của nước ta là

- A. hoạt động của gió mùa Tây Nam. B. hoạt động của gió Tín phong.
C. hoạt động của bão hàng năm. D. hoạt động của gió phơn Tây nam.

- Câu 23:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, số lượng đô thị loại đặc biệt (năm 2007) ở nước ta là
A. 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.
- Câu 24:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 đi qua tỉnh nào?
A. Quảng Bình. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Thừa Thiên Huế. **D.** Quảng Trị.
- Câu 25:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho cho biết mỏ Apatít lớn nhất ở Trung du miền núi Bắc Bộ thuộc tỉnh nào?
A. Lào Cai. **B.** Sơn La. **C.** Yên Bái. **D.** Thái Nguyên.
- Câu 26:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, 14, hãy cho vùng núi Trường Sơn Nam của nước ta nằm ở vị trí:
A. giữa sông Hồng và sông Cả. **B.** Phía Nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.
C. phía Nam dãy Bạch Mã. **D.** phía đông thung lũng sông Hồng.
- Câu 27:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cửa khẩu Xà Xía thuộc tỉnh nào?
A. Đồng Tháp. **B.** Cần Thơ. **C.** Kiên Giang. **D.** An Giang.
- Câu 28:** Đất ở đồng bằng ven biển miền Trung thường nghèo dinh dưỡng, nhiều cát do:
A. đồng bằng nhỏ hẹp ngang, bị chia cắt. **B.** nguồn gốc hình thành chủ yếu từ biển.
C. phần lớn đồng bằng nằm ở chân núi. **D.** mưa nhiều, xói mòn, rửa trôi mạnh.
- Câu 29:** Người lao động Việt Nam có nhiều kinh nghiệm sản xuất nhất trong ngành kinh tế nào?
A. Công nghiệp. **B.** Thương mại. **C.** Du lịch. **D.** Nông nghiệp.
- Câu 30:** Gió mùa Đông Bắc làm cho khí hậu Bắc Bộ nước ta có:
A. một mùa đông lạnh, ít mưa. **B.** nhiệt độ đồng nhất khắp nơi.
C. thời tiết lạnh ẩm, mưa nhiều. **D.** nhiều thiên tai: lũ quét, lở đất.
- Câu 31:** Dân số đông đem lại thuận lợi nào sau đây cho nền kinh tế nước ta?
A. Thu nhập người dân tăng. **B.** Có nhiều việc làm mới.
C. Nguồn lao động dồi dào. **D.** Chất lượng lao động cao.
- Câu 32:** Tiềm năng thủy điện nước ta tập trung lớn nhất ở khu vực nào?
A. Đông Nam Bộ. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Tây Nguyên. **D.** Trung du miền núi phía Bắc.
- Câu 33:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Quy Nhơn **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?
A. Cơ khí. **B.** Khai thác than.
C. Chế biến nông sản. **D.** Sản xuất vật liệu xây dựng.
- Câu 34:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết nhóm đất nào sau đây phân bố dọc sông Tiền, sông Hậu?
A. Đất phèn. **B.** Đất phù sa sông. **C.** Đất mặn. **D.** Đất cát biển.
- Câu 35:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết nhóm đất nào sau đây phân bố chủ yếu ở ven biển?
A. Đất feralít trên đá badan. **B.** Đất phèn.
C. Đất feralít trên đá vôi. **D.** Đất mặn.
- Câu 36:** Cho biểu đồ:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA



(Nguồn: Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi cơ cấu dân số nước ta qua các năm?

- A. Tỷ lệ dân nông thôn nhỏ hơn tỷ lệ dân thành thị.
- B. Tỷ lệ dân nông thôn lớn hơn tỷ lệ dân thành thị.
- C. Tỷ lệ dân nông thôn và thành thị đều tăng lên.
- D. Tỷ lệ dân nông thôn và thành thị đều giảm đi.

Câu 37: Nguyên nhân nào sau đây làm cho đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước?

- A. Cơ sở vật chất kỹ thuật tốt.
- B. Trữ lượng thủy sản lớn.
- C. Lao động có trình độ cao.
- D. Diện tích mặt nước rộng lớn.

Câu 38: Ý nào sau đây thể hiện công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm mang lại hiệu quả cao về mặt xã hội?

- A. Tăng giá trị các mặt hàng nông sản.
- B. Có thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- C. Tạo nhiều việc làm cho người lao động.
- D. Xuất khẩu đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn.

Câu 39: Ngành vận tải đường biển chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu khối lượng luân chuyển hàng hóa ở nước ta, chủ yếu do:

- A. có các đội tàu vận chuyển hàng tải trọng lớn.
- B. vận chuyển trên các tuyến đường có chiều dài lớn.
- C. có thời gian vận chuyển hàng hóa kéo dài.
- D. chở được hàng hóa nặng, cồng kềnh.

Câu 40: Vùng kinh tế nào sau đây của nước ta **không** giáp biển?

- A. Tây Nguyên.
- B. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đông Nam Bộ.

----- HẾT -----

ĐỀ SỐ 8

Câu 1: Thế mạnh của ngành trồng trọt ở trung du miền núi Bắc Bộ là phát triển:

- A. cây công nghiệp hàng năm, cây ăn quả, lâm nghiệp.
- B. cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới.
- C. cây lương thực, cây thực phẩm, cây đặc sản vụ đông.
- D. cây công nghiệp hàng năm, cây ăn quả nhiệt đới.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy xác định tháng nào ở nước ta tần xuất bão xuất hiện nhiều nhất?

- A. Tháng 9.
- B. Tháng 11.
- C. Tháng 12.
- D. Tháng 10.

Câu 3: Ngành giao thông vận tải nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong luân chuyển hành khách ở nước ta hiện nay?

- A. Đường sắt.
- B. Đường bộ.
- C. Đường biển.
- D. Đường hàng không.

Câu 4: Tuyên đường bộ có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của dải phía Tây nước ta là:

- A. quốc lộ 1.
- B. đường Hồ Chí Minh.
- C. quốc lộ 9.
- D. quốc lộ 14.

Câu 5: Khó khăn lớn nhất về mặt tự nhiên đối với hoạt động khai thác thủy sản của nước ta là

- A. hoạt động của bão hàng năm.
- B. hoạt động của gió mùa Tây Nam.
- C. hoạt động của gió phơn Tây nam.
- D. hoạt động của gió Tín phong.

Câu 6: Hướng chính của các dãy núi ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là:

- A. Đông - Tây.
- B. Bắc - Nam.
- C. vòng cung.
- D. Tây Bắc - Đông Nam.

Câu 7: Gió mùa Đông Bắc làm cho khí hậu Bắc Bộ nước ta có:

- A. nhiệt độ đồng nhất khắp nơi.
- B. nhiều thiên tai: lũ quét, lở đất.
- C. một mùa đông lạnh, ít mưa.
- D. thời tiết lạnh ẩm, mưa nhiều.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết 2 quần đảo xa bờ của duyên hải Nam Trung Bộ là 2 quần đảo nào?

- A. Côn Sơn, Trường Sa.
- B. Trường Sa, Hoàng Sa.
- C. Thổ Chu, Côn Sơn.
- D. Hoàng Sa, Thổ Chu.

Câu 9: Cho bảng số liệu:**DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG MỚI TẬP TRUNG PHÂN THEO LOẠI RỪNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2019**

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	Rừng sản xuất	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng
2010	225,9	31,1	4,6
2012	217,0	18,5	1,8
2014	227,4	25,0	1,5
2019	256,5	11,1	1,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích rừng trồng mới tập trung phân theo loại rừng của nước ta từ bảng số liệu trên?

- A. Rừng đặc dụng tăng, giảm liên tục.
- B. Rừng phòng hộ giảm liên tục.
- C. Rừng phòng hộ diện tích lớn nhất.
- D. Rừng sản xuất xu hướng tăng.

Câu 10: Người lao động Việt Nam có nhiều kinh nghiệm sản xuất nhất trong ngành kinh tế nào?

- A. Công nghiệp.
- B. Nông nghiệp.
- C. Du lịch.
- D. Thương mại.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết tỉnh nào của duyên hải Nam Trung Bộ vừa có đường biên giới, và có đường bờ biển?

- A. Khánh Hòa.
- B. Bình Định.
- C. Quảng Ngãi.
- D. Quảng Nam.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết mặt hàng nào sau đây của nước ta có cơ cấu giá trị xuất khẩu cao nhất?

- A. Nông, lâm sản.
- B. Máy móc, thiết bị, phụ tùng.
- C. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.
- D. Công nghiệp nặng và khoáng sản.

Câu 13: Ý nào sau đây thể hiện công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm mang lại hiệu quả cao về mặt xã hội?

- A. Xuất khẩu đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn. B. Tăng giá trị các mặt hàng nông sản.
C. Tạo nhiều việc làm cho người lao động. D. Có thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, số lượng đô thị loại đặc biệt (năm 2007) ở nước ta là

- A. 5. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 15: Hệ sinh thái nào sau đây ở vùng ven biển nước ta?

- A. Rừng cận nhiệt. B. Rừng ôn đới. C. Rừng ngập mặn. D. Rừng tre nứa.

Câu 16: Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu là vấn đề tiêu biểu trong phát triển kinh tế của vùng nào sau đây?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Tây Nguyên.

Câu 17: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cửa khẩu Xà Xía thuộc tỉnh nào?

- A. Đồng Tháp. B. Cần Thơ. C. Kiên Giang. D. An Giang.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy xác định dãy núi nào có giới hạn từ biên giới Việt - Trung tới khuỷu sông Đà là dãy?

- A. Hoàng Liên Sơn. B. Pu-den-đinh. C. Pu-sam-sao. D. Khoan-la-san.

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Quy Nhơn **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Cơ khí. B. Khai thác than.
C. Chế biến nông sản. D. Sản xuất vật liệu xây dựng.

Câu 20: Vùng kinh tế nào sau đây của nước ta **không** giáp biển?

- A. Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 21: Nguyên nhân cơ bản thúc đẩy quá trình đô thị hoá ở nước ta hiện nay là

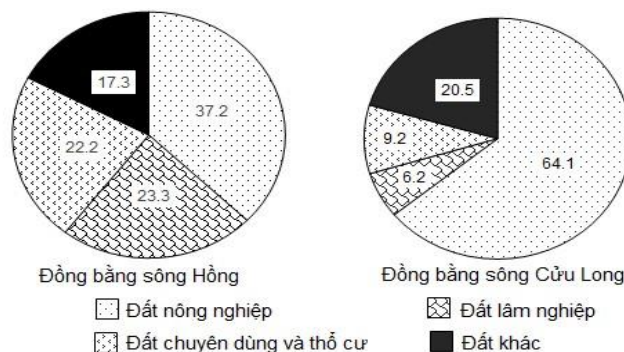
- A. nền kinh tế nước ta chuyển sang cơ chế thị trường.
B. nước ta thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài.
C. nước ta hội nhập quốc tế và khu vực.
D. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang được đẩy mạnh.

Câu 22: Nguyên nhân nào sau đây làm cho đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước?

- A. Trữ lượng thủy sản lớn. B. Diện tích mặt nước rộng lớn.
C. Lao động có trình độ cao. D. Cơ sở vật chất kỹ thuật tốt.

Câu 23: Cho biểu đồ:

CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NĂM 2018



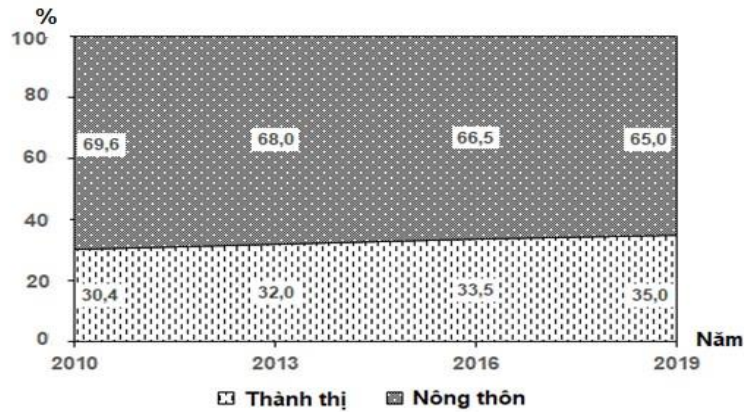
(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu sử dụng đất của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Tỷ trọng đất lâm nghiệp ở cả hai đồng bằng tương đương nhau.
B. Đất chuyên dùng, thổ cư ở cả hai vùng đều chiếm tỷ trọng thứ hai.
C. Đất lâm nghiệp ở cả hai đồng bằng đều chiếm tỷ trọng nhỏ nhất.
D. Đất nông nghiệp đều chiếm tỷ trọng lớn nhất ở cả hai đồng bằng.

Câu 24: Cho biểu đồ:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA



(Nguồn: Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi cơ cấu dân số nước ta qua các năm?

- A. Tỷ lệ dân nông thôn và thành thị đều giảm đi.
- B. Tỷ lệ dân nông thôn nhỏ hơn tỷ lệ dân thành thị.
- C. Tỷ lệ dân nông thôn và thành thị đều tăng lên.
- D. Tỷ lệ dân nông thôn lớn hơn tỷ lệ dân thành thị.

Câu 25: Đất ở đồng bằng ven biển miền Trung thường nghèo dinh dưỡng, nhiều cát do:

- A. phần lớn đồng bằng nằm ở chân núi.
- B. đồng bằng nhòm hẹp ngang, bị chia cắt.
- C. nguồn gốc hình thành chủ yếu từ biển.
- D. mưa nhiều, xói mòn, rửa trôi mạnh.

Câu 26: Nước ta dễ dàng giao lưu với các nước trên thế giới do:

- A. có đường bờ biển dài, có nhiều vũng, vịnh, cửa sông.
- B. nằm trong vùng nội chí tuyến, có nền nhiệt cao.
- C. gần ngã tư đường hàng không, hàng hải quốc tế.
- D. ở nơi giao thoa giữa các nền văn minh khác nhau.

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, 14, hãy cho vùng núi Trường Sơn Nam của nước ta nằm ở vị trí:

- A. phía Nam dãy Bạch Mã.
- B. phía đông thung lũng sông Hồng.
- C. giữa sông Hồng và sông Cả.
- D. Phía Nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.

Câu 28: Trong phát triển du lịch biển, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn vùng Bắc Trung Bộ là do

- A. có nhiều đặc sản hơn.
- B. có vị trí thuận lợi hơn.
- C. có cơ sở hạ tầng tốt hơn.
- D. có nhiều bãi biển đẹp và nổi tiếng hơn.

Câu 29: Dệt may, điện, vật liệu xây dựng là hướng chuyên môn hóa sản xuất của cụm công nghiệp nào sau đây?

- A. Hải Phòng - Hạ Long - Cẩm Phả.
- B. Việt Trì - Lâm Thao - Phú Thọ.
- C. Đáp Cầu - Bắc Giang.
- D. Nam Định - Ninh Bình - Thanh Hóa.

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết mỏ Apatít lớn nhất ở Trung du miền núi Bắc Bộ thuộc tỉnh nào?

- A. Sơn La.
- B. Lào Cai.
- C. Thái Nguyên.
- D. Yên Bái.

Câu 31: Ngành vận tải đường biển chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu khối lượng luân chuyển hàng hóa ở nước ta, chủ yếu do:

- A. chở được hàng hóa nặng, cồng kềnh.
- B. có thời gian vận chuyển hàng hóa kéo dài.
- C. vận chuyển trên các tuyến đường có chiều dài lớn.
- D. có các đội tàu vận chuyển hàng tải trọng lớn.

Câu 32: Dân số đông đem lại thuận lợi nào sau đây cho nền kinh tế nước ta?

- A. Thu nhập người dân tăng.
- B. Có nhiều việc làm mới.
- C. Chất lượng lao động cao.
- D. Nguồn lao động dồi dào.

Câu 33: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết nhóm đất nào sau đây phân bố dọc sông Tiền, sông Hậu?

- A. Đất phù sa sông.
- B. Đất cát biển.
- C. Đất phèn.
- D. Đất mặn.

Câu 34: Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA
QUA CÁC NĂM**

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2015	2019
Khai thác	2414,4	3049,9	3777,7
Nuôi trồng	2728,3	3532,2	4490,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê 2020)

Biểu đồ nào thích hợp nhất để thể hiện sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta qua các năm?

- A.** Kết hợp. **B.** Tròn. **C.** Cột ghép. **D.** Miền.

Câu 35: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết nhóm đất nào sau đây phân bố chủ yếu ở ven biển?

- A.** Đất feralit trên đá vôi. **B.** Đất phèn.
C. Đất feralit trên đá badan. **D.** Đất mặn.

Câu 36: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 9 đi qua tỉnh nào?

- A.** Quảng Trị. **B.** Thừa Thiên Huế. **C.** Hà Tĩnh. **D.** Quảng Bình.

Câu 37: Ý nào sau đây là thế mạnh tự nhiên để xây dựng các nhà máy thủy điện ở trung du miền núi Bắc Bộ?

- A.** Chế độ nước sông theo mùa. **B.** Các cao nguyên có mặt bằng rộng.
C. Sông lớn chảy trên địa hình dốc. **D.** Lượng mưa phân bố đều trong năm.

Câu 38: Tiềm năng thủy điện nước ta tập trung lớn nhất ở khu vực nào?

- A.** Tây Nguyên. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đông Nam Bộ. **D.** Trung du miền núi phía Bắc.

Câu 39: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Nam nước ta?

- A.** Gồm nhiều dãy núi chạy song song. **B.** Có các cao nguyên badan xếp tầng.
C. Hướng núi Tây Bắc - Đông Nam. **D.** Có nhiều núi cao hàng đầu cả nước.

Câu 40: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4,5 xác định tỉnh nào sau đây vừa giáp Trung Quốc và Lào?

- A.** Điện Biên. **B.** Sơn La. **C.** Lai Châu. **D.** Lào Cai.

----- HẾT -----

ĐỀ SỐ 9

Câu 1: Hai bể trầm tích có triển vọng nhất về trữ lượng và khả năng khai thác của nước ta là:

- A. bể Nam Côn Sơn và bể Thổ Chu.
- B. bể Nam Côn Sơn và bể sông Hồng.
- C. bể sông Hồng và bể Thổ Chu.
- D. bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn.

Câu 2: Chất lượng nguồn lao động của nước ta được nâng lên là nhờ:

- A. việc đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.
- B. tăng cường giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề trong trường phổ thông.
- C. việc tăng cường xuất khẩu lao động sang các nước phát triển.
- D. những thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.

Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có lượng mưa trung bình năm thấp nhất?

- A. Ninh Thuận.
- B. Đà Nẵng.
- C. Quảng Trị.
- D. Phú Yên.

Câu 4: Giai đoạn nào sau đây đô thị Việt Nam phát triển theo 2 hướng khác nhau giữa miền Bắc và miền Nam?

- A. Giai đoạn Pháp thuộc
- B. Giai đoạn 1975 đến nay.
- C. Giai đoạn phong kiến.
- D. Giai đoạn 1954 - 1975.

Câu 5: Dân số nước ta phân bố không đều giữa các vùng ảnh hưởng đến vấn đề nào sau đây?

- A. Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.
- B. Khai thác tài nguyên và sử dụng nguồn lao động.
- C. Vấn đề giải quyết việc làm.
- D. Việc phát triển giáo dục và y tế.

Câu 6: Nguồn cung cấp thịt chủ yếu cho thị trường tiêu thụ của nước ta hiện nay là từ:

- A. chăn nuôi trâu, bò
- B. chăn nuôi bò, gia cầm
- C. chăn nuôi lợn, gia cầm.
- D. chăn nuôi trâu, gia cầm.

Câu 7: Cho bảng số liệu:

SỰ BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH RỪNG CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

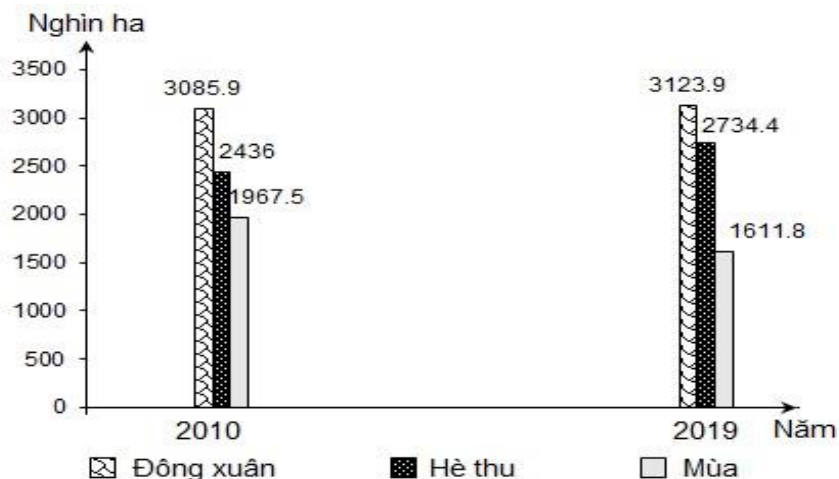
Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43,0
1983	7,2	6,8	0,4	22,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0

Nhận xét nào sau đây đúng nhất khi nói về sự biến động diện tích rừng?

- A. Tổng diện tích rừng có sự biến động qua các năm, trong đó diện tích rừng trồng tăng với tốc độ nhanh nhất
- B. Tổng diện tích rừng tăng lên qua các năm, trong đó diện tích rừng tự nhiên tăng đáng kể.
- C. Tổng diện tích rừng tăng lên qua các năm, trong đó diện tích rừng trồng tăng với tốc độ nhanh nhất.
- D. Tổng diện tích rừng có sự biến động qua các năm, trong đó diện tích rừng tự nhiên tăng đáng kể.

Câu 8: Cho biểu đồ:

DIỆN TÍCH LÚA CÁC VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2019



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa các vụ của nước ta năm 2010 và 2019?

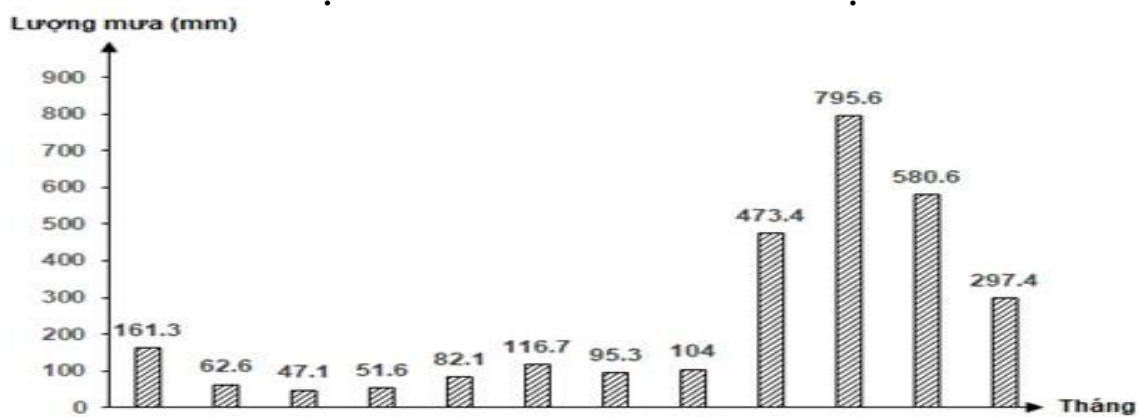
- A. Diện tích lúa vụ đông xuân, hè thu, mùa tăng qua các năm.
- B. Diện tích lúa vụ mùa và hè thu tăng, lúa vụ đông xuân giảm.
- C. Diện tích lúa vụ đông xuân và hè thu tăng, lúa vụ mùa giảm.
- D. Diện tích lúa vụ hè thu tăng, diện tích lúa vụ đông xuân và mùa giảm.

Câu 9: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho công nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ còn chậm phát triển?

- A. Tài nguyên khoáng sản ít đa dạng.
- B. Nguồn vốn và kỹ thuật còn hạn chế.
- C. Trình độ người lao động chưa cao.
- D. Cơ sở hạ tầng chưa thật hoàn thiện.

Câu 10: Cho biểu đồ:

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG TẠI HUẾ



BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG TẠI ĐỊA ĐIỂM HUẾ

Theo biểu đồ trên, nhận xét nào sau đây đúng về lượng mưa trung bình tháng tại địa điểm Huế?

- A. Lượng mưa tập trung vào mùa hạ.
- B. Các tháng cuối năm lượng mưa lớn.
- C. Các tháng đầu năm lượng mưa lớn.
- D. Lượng mưa tập trung vào mùa xuân.

Câu 11: Khi di chuyển xuống phía nam, gió mùa Đông Bắc hầu như bị chặn lại ở?

- A. Dãy Bạch Mã.
- B. Cao nguyên Kon Tum.
- C. Sông Bến Hải.
- D. Dãy Hoàng Sơn.

Câu 12: Trong phát triển du lịch biển, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn vùng Bắc Trung Bộ là do

- A. Có vị trí thuận lợi hơn.
- B. Có nhiều bãi biển đẹp và nổi tiếng hơn.
- C. Có cơ sở hạ tầng tốt hơn.
- D. Có nhiều đặc sản hơn.

Câu 13: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, mỏ Bạch Hổ cung cấp nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện nào sau đây?

- A. Thủ Đức.
- B. Bà Rịa.
- C. Trà Nóc.
- D. Cà Mau.

Câu 14: Khó khăn lớn nhất vào mùa khô của đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. đất nhiễm mặn hoặc phèn, mực nước ngầm hạ thấp.
- B. nguy cơ cháy rừng cao, đất nhiễm mặn hoặc phèn.
- C. mực nước sông thấp, thủy triều xâm nhập mạnh.
- D. thiếu nước ngọt trầm trọng, xâm nhập mặn lấn sâu.

Câu 15: Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở đồng bằng sông Hồng là:

- A. phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
- B. góp phần hiện đại hóa sản xuất và bảo vệ môi trường.
- C. tạo thêm nhiều việc làm và giải quyết được việc làm.
- D. hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4,5 xác định tỉnh nào sau đây vừa giáp Campuchia và Lào?

- A. Gia Lai.
- B. Quảng Nam.
- C. Đắk Lắk.
- D. Kon Tum.

Câu 17: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, hãy xác định than nâu phân bố nhiều nhất ở vùng nào của nước ta?

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, loại khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở vùng Tây Nguyên?

- A. Than bùn. B. Đá quý. C. Bôxít. D. Sắt.

Câu 19: Địa hình bán bình nguyên của nước ta thể hiện rõ nhất ở khu vực nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải miền Trung.
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 20: Vùng nước tiếp giáp với đất liền phía trong đường cơ sở gọi là vùng?

- A. Vùng lãnh hải. B. Vùng tiếp giáp lãnh hải.
C. Vùng thềm lục địa. D. Vùng nội thủy.

Câu 21: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng nào của nước ta chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió Tây khô nóng?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Tây Nguyên.
C. Đông Nam Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 22: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy xác định tháng nào ở nước ta tần xuất bão xuất hiện nhiều nhất?

- A. Tháng 10. B. Tháng 11. C. Tháng 9. D. Tháng 12.

Câu 23: Biển Đông có đặc điểm nào sau đây?

- A. Là biển tương đối kín. B. Là biển nằm ở đông Nam Châu Á.
C. Là biển của vùng khí hậu nhiệt đới. D. Là biển rộng nhất thế giới.

Câu 24: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết tuyến đường biển nào sau đây dài nhất nước ta?

- A. Hải Phòng - Đà Nẵng. B. Quy Nhơn - Phan Thiết.
C. Hải Phòng - Tp Hồ Chí Minh. D. Đà Nẵng - Quy Nhơn.

Câu 25: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh nào thuộc vùng Bắc Trung Bộ có thế mạnh về quặng sắt để phát triển công nghiệp luyện kim đen?

- A. Hà Tĩnh. B. Quảng Trị. C. Quảng Bình. D. Nghệ An.

Câu 26: Đồng bằng duyên hải miền Trung phân chia làm 3 dải từ Đông sang Tây là:

- A. vùng thấp trũng, cồn cát, đầm phá, đồng bằng.
B. cồn cát, đầm phá, đồng bằng, vùng thấp trũng.
C. đồng bằng, vùng thấp trũng, cồn cát, đầm phá.
D. cồn cát, đầm phá, vùng thấp trũng, đồng bằng.

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, Các đỉnh núi Pha Luông, Pu Hoạt, Khoan La San nằm trong vùng núi nào?

- A. Tây Bắc. B. Trường Sơn Nam.
C. Đông Bắc. D. Trường Sơn Bắc.

Câu 28: Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu ngành nước ta hiện nay là:

- A. thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng của nền kinh tế.
B. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
C. tăng cường hội nhập vào nền kinh tế khu vực.
D. sử dụng hợp lí nguồn lao động dồi dào trong nước.

Câu 29: Cho bảng số liệu:

**CƠ CẤU LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT,
NĂM 1996 VÀ NĂM 2005 (%)**

		Năm 1996	Năm 2005
Đã qua đào tạo:		12.3	25.0
Trong đó	Có chứng chỉ nghề sơ cấp	6.2	15.5
	Trung học chuyên nghiệp	3.8	4.2
	Cao đẳng, đại học và trên đại học	2.3	5.3
Chưa qua đào tạo		87.7	75.0

Để vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật, năm 1996 và năm 2005 thì dùng biểu đồ nào là đúng nhất?

- A. Biểu đồ cột chồng. B. Biểu đồ miền.
C. Biểu đồ cột ghép. D. Biểu đồ đường.

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường quốc lộ 1 bắt đầu từ tỉnh nào ở phía Bắc?

- A. Quảng Ninh. B. Hà Giang. C. Lạng Sơn. D. Cao Bằng.

Câu 31: Ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm của nước ta phát triển chủ yếu dựa vào:

- A. nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú. B. cơ sở vật chất - kĩ thuật được nâng cấp.
C. mạng lưới giao thông thuận lợi. D. vị trí gần các trung tâm công nghiệp.

Câu 32: Vùng nào sau đây của nước ta có điều kiện thuận lợi nhất để phát triển giao thông vận tải đường sông?

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 33: Việc nuôi trồng thủy sản ở duyên hải Nam Trung Bộ phát triển mạnh nhờ:

- A. vùng biển nhiều nắng gió, độ mặn nước biển cao.
B. có nhiều hồ thủy điện và hồ thủy lợi.
C. bờ biển dài với nhiều cửa sông, vũng vịnh.
D. vùng biển rộng với 2 ngư trường lớn.

Câu 34: Nơi nào sau đây thích hợp cho nuôi trồng thủy sản nước lợ?

- A. Ao, hồ. B. Sông. C. Ô trũng. D. Đầm phá.

Câu 35: Vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc đã mang lại cho khí hậu nước ta đặc điểm nào dưới đây?

- A. Có bốn mùa rõ rệt. B. Có nền nhiệt độ cao.
C. Lượng mưa trong năm lớn. D. Thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió mùa

Câu 36: Loại hình giao thông vận tải nào sau đây khi phát triển sẽ phát huy được thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong hội nhập quốc tế?

- A. Đường hàng không và đường biển. B. Đường biển và đường bộ.
C. Đường bộ và đường hàng không. D. Đường bộ và đường sắt.

Câu 37: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, hãy cho biết đồng bằng Tuy Hòa được bồi đắp bởi sông nào?

- A. Thu Bồn. B. Ba. C. Cái. D. Đà Rằng.

Câu 38: Việc phát triển thủy điện ở Trung du miền núi Bắc Bộ sẽ tạo động lực mới cho sự phát triển của vùng, nhất là trong việc:

- A. khai thác tổng hợp kinh tế biển. B. khai thác và chế biến khoáng sản.
C. khai thác và chế biến lâm sản. D. trồng và chế biến cây công nghiệp.

Câu 39: Độ che phủ rừng ở Tây Nguyên giảm sút nhanh trong những năm gần đây, chủ yếu do:

- A. cháy rừng diễn ra nhiều. B. tăng cường khai thác dược liệu.
C. nạn phá rừng gia tăng. D. đẩy mạnh khai thác gỗ quý.

Câu 40: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, hãy cho biết loại rừng nào sau đây phổ biến ở Việt Nam?

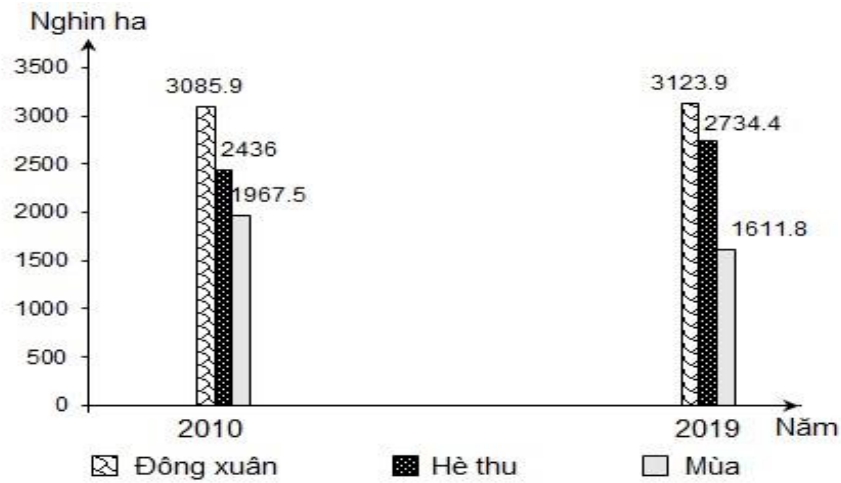
- A. Rừng tre nứa. B. Rừng kín thường xanh.
C. Rừng thưa. D. Rừng ngập mặn.

----- HẾT -----

ĐỀ SỐ 10

Câu 1: Cho biểu đồ:

DIỆN TÍCH LÚA CÁC VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2019



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa các vụ của nước ta năm 2010 và 2019?

- A. Diện tích lúa vụ đông xuân, hè thu, mùa tăng qua các năm.
- B. Diện tích lúa vụ hè thu tăng, diện tích lúa vụ đông xuân và mùa giảm.
- C. Diện tích lúa vụ mùa và hè thu tăng, lúa vụ đông xuân giảm.
- D. Diện tích lúa vụ đông xuân và hè thu tăng, lúa vụ mùa giảm.

Câu 2: Nguồn cung cấp thịt chủ yếu cho thị trường tiêu thụ của nước ta hiện nay là từ:

- A. chăn nuôi trâu, gia cầm.
- B. chăn nuôi trâu, bò
- C. chăn nuôi bò, gia cầm
- D. chăn nuôi lợn, gia cầm.

Câu 3: Giai đoạn nào sau đây đô thị Việt Nam phát triển theo 2 hướng khác nhau giữa miền Bắc và miền Nam?

- A. Giai đoạn phong kiến.
- B. Giai đoạn 1954 - 1975.
- C. Giai đoạn Pháp thuộc
- D. Giai đoạn 1975 đến nay.

Câu 4: Việc phát triển thủy điện ở Trung du miền núi Bắc Bộ sẽ tạo động lực mới cho sự phát triển của vùng, nhất là trong việc:

- A. khai thác và chế biến khoáng sản.
- B. khai thác và chế biến lâm sản.
- C. trồng và chế biến cây công nghiệp.
- D. khai thác tổng hợp kinh tế biển.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, loại khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở vùng Tây Nguyên?

- A. Than bùn.
- B. Bôxít.
- C. Đá quý.
- D. Sắt.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy xác định tháng nào ở nước ta tần suất bão xuất hiện nhiều nhất?

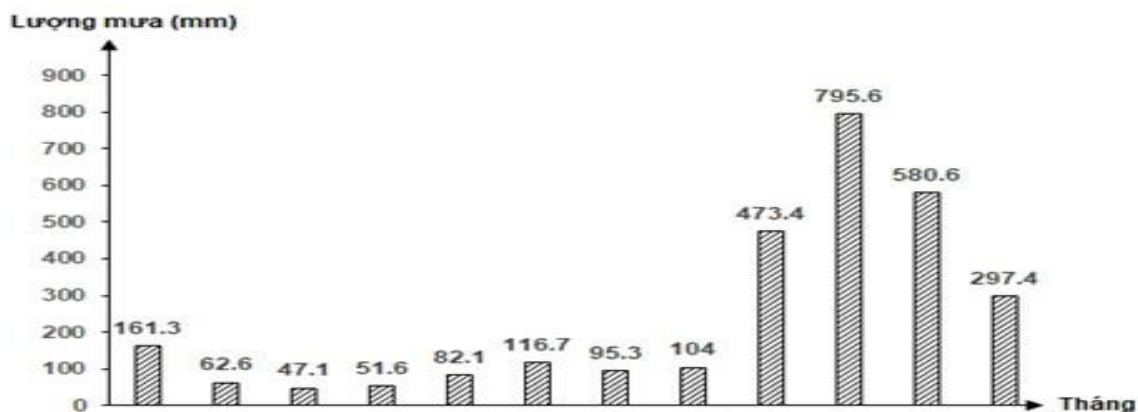
- A. Tháng 12.
- B. Tháng 10.
- C. Tháng 11.
- D. Tháng 9.

Câu 7: Vùng nước tiếp giáp với đất liền phía trong đường cơ sở gọi là vùng?

- A. Vùng tiếp giáp lãnh hải.
- B. Vùng thềm lục địa.
- C. Vùng nội thủy.
- D. Vùng lãnh hải.

Câu 8: Cho biểu đồ:

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG TẠI HUẾ



BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG TẠI ĐỊA ĐIỂM HUẾ

Theo biểu đồ trên, nhận xét nào sau đây đúng về lượng mưa trung bình tháng tại địa điểm Huế?

- A. Các tháng đầu năm lượng mưa lớn. B. Lượng mưa tập trung vào mùa xuân.
C. Lượng mưa tập trung vào mùa hạ. D. Các tháng cuối năm lượng mưa lớn.

Câu 9: Khi di chuyển xuống phía nam, gió mùa Đông Bắc hầu như bị chặn lại ở?

- A. Sông Bến Hải. B. Dãy Hoành Sơn.
C. Dãy Bạch Mã. D. Cao nguyên Kon Tum.

Câu 10: Đồng bằng duyên hải miền Trung phân chia làm 3 dải từ Đông sang Tây là:

- A. đồng bằng, vùng thấp trũng, cồn cát, đầm phá.
B. cồn cát, đầm phá, đồng bằng, vùng thấp trũng.
C. vùng thấp trũng, cồn cát, đầm phá, đồng bằng.
D. cồn cát, đầm phá, vùng thấp trũng, đồng bằng.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có lượng mưa trung bình năm thấp nhất?

- A. Quảng Trị. B. Ninh Thuận. C. Đà Nẵng. D. Phú Yên.

Câu 12: Hai bể trầm tích có triển vọng nhất về trữ lượng và khả năng khai thác của nước ta là:

- A. bể Nam Côn Sơn và bể Thổ Chu. B. bể sông Hồng và bể Thổ Chu.
C. bể Nam Côn Sơn và bể sông Hồng. D. bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn.

Câu 13: Khó khăn lớn nhất vào mùa khô của đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. thiếu nước ngọt trầm trọng, xâm nhập mặn lần sâu.
B. đất nhiễm mặn hoặc phèn, mực nước ngầm hạ thấp.
C. mực nước sông thấp, thủy triều xâm nhập mạnh.
D. nguy cơ cháy rừng cao, đất nhiễm mặn hoặc phèn.

Câu 14: Loại hình giao thông vận tải nào sau đây khi phát triển sẽ phát huy được thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong hội nhập quốc tế?

- A. Đường biển và đường bộ. B. Đường bộ và đường sắt.
C. Đường hàng không và đường biển. D. Đường bộ và đường hàng không.

Câu 15: Nơi nào sau đây thích hợp cho nuôi trồng thủy sản nước lợ?

- A. Sông. B. Đầm phá. C. Ao, hồ. D. Ô trũng.

Câu 16: Trong phát triển du lịch biển, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn vùng Bắc Trung Bộ là do

- A. Có nhiều đặc sản hơn. B. Có cơ sở hạ tầng tốt hơn.
C. Có vị trí thuận lợi hơn. D. Có nhiều bãi biển đẹp và nổi tiếng hơn.

Câu 17: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho công nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ còn chậm phát triển?

- A. Nguồn vốn và kỹ thuật còn hạn chế. B. Cơ sở hạ tầng chưa thật hoàn thiện.
C. Trình độ người lao động chưa cao. D. Tài nguyên khoáng sản ít đa dạng.

Câu 18: Địa hình bán bình nguyên của nước ta thể hiện rõ nhất ở khu vực nào?

- A. Đông Nam Bộ. B. Duyên hải miền Trung.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 19: Dân số nước ta phân bố không đều giữa các vùng ảnh hưởng đến vấn đề nào sau đây?

- A. Khai thác tài nguyên và sử dụng nguồn lao động.
B. Vấn đề giải quyết việc làm.

C. Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

D. Việc phát triển giáo dục và y tế.

Câu 20: Vùng nào sau đây của nước ta có điều kiện thuận lợi nhất để phát triển giao thông vận tải đường sông?

A. Đông Nam Bộ.

B. Trung du miền núi Bắc Bộ.

C. Đồng bằng sông Hồng.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 21: Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở đồng bằng sông Hồng là:

A. tạo thêm nhiều việc làm và giải quyết được việc làm.

B. phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.

C. góp phần hiện đại hóa sản xuất và bảo vệ môi trường.

D. hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.

Câu 22: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, mỏ Bạch Hổ cung cấp nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện nào sau đây?

A. Thủ Đức.

B. Trà Nóc.

C. Bà Rịa.

D. Cà Mau.

Câu 23: Độ che phủ rừng ở Tây Nguyên giảm sút nhanh trong những năm gần đây, chủ yếu do:

A. đẩy mạnh khai thác gỗ quý.

B. cháy rừng diễn ra nhiều.

C. nạn phá rừng gia tăng.

D. tăng cường khai thác được liệu.

Câu 24: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4,5 xác định tỉnh nào sau đây vừa giáp Campuchia và Lào?

A. Gia Lai.

B. Kon Tum.

C. Đắk Lắk.

D. Quảng Nam.

Câu 25: Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu ngành nước ta hiện nay là:

A. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.

B. thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng của nền kinh tế.

C. tăng cường hội nhập vào nền kinh tế khu vực.

D. sử dụng hợp lí nguồn lao động dồi dào trong nước.

Câu 26: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, hãy cho biết đồng bằng Tuy Hòa được bồi đắp bởi sông nào?

A. Thu Bồn.

B. Cái.

C. Đà Rằng.

D. Ba.

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường quốc lộ 1 bắt đầu từ tỉnh nào ở phía Bắc?

A. Hà Giang.

B. Quảng Ninh.

C. Lạng Sơn.

D. Cao Bằng.

Câu 28: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh nào thuộc vùng Bắc Trung Bộ có thế mạnh về quặng sắt để phát triển công nghiệp luyện kim đen?

A. Hà Tĩnh.

B. Quảng Bình.

C. Nghệ An.

D. Quảng Trị.

Câu 29: Việc nuôi trồng thủy sản ở duyên hải Nam Trung Bộ phát triển mạnh nhờ:

A. bờ biển dài với nhiều cửa sông, vũng vịnh.

B. có nhiều hồ thủy điện và hồ thủy lợi.

C. vùng biển nhiều nắng gió, độ mặn nước biển cao.

D. vùng biển rộng với 2 ngư trường lớn.

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, hãy xác định than nâu phân bố nhiều nhất ở vùng nào của nước ta?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Trung du miền núi Bắc Bộ.

D. Đông Nam Bộ.

Câu 31: Chất lượng nguồn lao động của nước ta được nâng lên là nhờ:

A. những thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.

B. việc đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

C. tăng cường giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề trong trường phổ thông.

D. việc tăng cường xuất khẩu lao động sang các nước phát triển.

Câu 32: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết tuyến đường biển nào sau đây dài nhất nước ta?

A. Hải Phòng - Đà Nẵng.

B. Hải Phòng - Tp Hồ Chí Minh.

C. Quy Nhơn - Phan Thiết.

D. Đà Nẵng - Quy Nhơn.

Câu 33: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, hãy cho biết loại rừng nào sau đây phổ biến ở Việt Nam?

A. Rừng thưa.

B. Rừng tre nứa.

C. Rừng kín thường xanh.

D. Rừng ngập mặn.

Câu 34: Biển Đông có đặc điểm nào sau đây?

A. Là biển nằm ở đông Nam Châu Á.

B. Là biển của vùng khí hậu nhiệt đới.

C. Là biển tương đối kín.

D. Là biển rộng nhất thế giới.

Câu 35: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng nào của nước ta chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió Tây khô nóng?

A. Duyên hải Nam Trung Bộ.

B. Tây Nguyên.

C. Đông Nam Bộ.

D. Bắc Trung Bộ.

Câu 36: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, Các đỉnh núi Pha Luông, Pu Hoạt, Khoan La San nằm trong vùng núi nào?

A. Trường Sơn Nam.

B. Tây Bắc.

C. Đông Bắc.

D. Trường Sơn Bắc.

Câu 37: Cho bảng số liệu:

SỰ BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH RỪNG CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43,0
1983	7,2	6,8	0,4	22,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0

Nhận xét nào sau đây đúng nhất khi nói về sự biến động diện tích rừng?

A. Tổng diện tích rừng tăng lên qua các năm, trong đó diện tích rừng tự nhiên tăng đáng kể.

B. Tổng diện tích rừng tăng lên qua các năm, trong đó diện tích rừng trồng tăng với tốc độ nhanh nhất.

C. Tổng diện tích rừng có sự biến động qua các năm, trong đó diện tích rừng tự nhiên tăng đáng kể.

D. Tổng diện tích rừng có sự biến động qua các năm, trong đó diện tích rừng trồng tăng với tốc độ nhanh nhất

Câu 38: Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT, NĂM 1996 VÀ NĂM 2005 (%)

		Năm 1996	Năm 2005
Đã qua đào tạo:		12.3	25.0
Trong đó	Có chứng chỉ nghề sơ cấp	6.2	15.5
	Trung học chuyên nghiệp	3.8	4.2
	Cao đẳng, đại học và trên đại học	2.3	5.3
Chưa qua đào tạo		87.7	75.0

Để vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật, năm 1996 và năm 2005 thì dùng biểu đồ nào là đúng nhất?

A. Biểu đồ cột chồng.

B. Biểu đồ đường.

C. Biểu đồ cột ghép.

D. Biểu đồ miền.

Câu 39: Vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc đã mang lại cho khí hậu nước ta đặc điểm nào dưới đây?

A. Có bốn mùa rõ rệt.

B. Có nền nhiệt độ cao.

C. Thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió mùa

D. Lượng mưa trong năm lớn.

Câu 40: Ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm của nước ta phát triển chủ yếu dựa vào:

A. vị trí gần các trung tâm công nghiệp.

B. nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

C. mạng lưới giao thông thuận lợi.

D. cơ sở vật chất - kỹ thuật được nâng cấp.

----- HẾT -----

(Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam để làm bài)

ĐÁP ÁN

ĐỀ 1		ĐỀ 2		ĐỀ 3		ĐỀ 4		ĐỀ 5		ĐỀ 6		ĐỀ 7		ĐỀ 8		ĐỀ 9		ĐỀ 10	
1	C	1	A	1	C	1	B	1	D	1	A	1	A	1	B	1	D	1	D
2	C	2	B	2	B	2	B	2	D	2	D	2	C	2	A	2	D	2	D
3	A	3	D	3	D	3	C	3	C	3	C	3	C	3	B	3	A	3	B
4	B	4	C	4	C	4	D	4	D	4	D	4	A	4	B	4	D	4	A
5	C	5	D	5	A	5	C	5	C	5	B	5	C	5	A	5	B	5	B
6	D	6	B	6	B	6	A	6	A	6	D	6	D	6	C	6	C	6	D
7	C	7	B	7	B	7	B	7	C	7	C	7	C	7	C	7	A	7	C
8	A	8	D	8	D	8	C	8	D	8	D	8	C	8	B	8	C	8	D
9	B	9	B	9	C	9	B	9	C	9	C	9	B	9	D	9	B	9	C
10	A	10	D	10	D	10	D	10	B	10	A	10	B	10	B	10	B	10	D
11	B	11	D	11	A	11	D	11	D	11	C	11	D	11	D	11	A	11	B
12	B	12	C	12	A	12	C	12	B	12	A	12	D	12	C	12	B	12	D
13	D	13	A	13	A	13	A	13	A	13	A	13	A	13	C	13	B	13	A
14	A	14	B	14	A	14	C	14	B	14	D	14	B	14	C	14	D	14	C
15	B	15	A	15	B	15	D	15	B	15	B	15	A	15	C	15	A	15	B
16	A	16	D	16	B	16	B	16	B	16	B	16	B	16	B	16	D	16	D
17	A	17	C	17	C	17	C	17	B	17	B	17	A	17	C	17	B	17	A
18	B	18	A	18	C	18	A	18	D	18	B	18	B	18	A	18	C	18	A
19	C	19	C	19	D	19	B	19	D	19	C	19	D	19	B	19	C	19	A
20	B	20	B	20	A	20	B	20	D	20	B	20	D	20	A	20	D	20	D
21	D	21	A	21	C	21	D	21	C	21	D	21	A	21	D	21	D	21	B
22	D	22	B	22	B	22	B	22	A	22	C	22	C	22	B	22	C	22	C
23	C	23	B	23	D	23	B	23	B	23	C	23	A	23	D	23	A	23	C
24	C	24	D	24	D	24	A	24	C	24	D	24	D	24	D	24	C	24	B
25	A	25	B	25	B	25	A	25	C	25	C	25	A	25	C	25	A	25	B
26	C	26	B	26	A	26	A	26	B	26	B	26	C	26	A	26	D	26	C
27	A	27	A	27	D	27	D	27	D	27	D	27	C	27	A	27	C	27	C
28	D	28	C	28	A	28	D	28	C	28	D	28	B	28	D	28	A	28	A
29	A	29	C	29	D	29	C	29	B	29	A	29	D	29	D	29	A	29	A
30	D	30	D	30	A	30	B	30	A	30	A	30	A	30	B	30	C	30	A
31	B	31	C	31	D	31	A	31	A	31	A	31	C	31	C	31	A	31	A
32	B	32	A	32	C	32	C	32	A	32	B	32	D	32	D	32	B	32	B
33	D	33	D	33	B	33	C	33	B	33	B	33	B	33	A	33	C	33	C
34	D	34	C	34	B	34	A	34	A	34	C	34	B	34	A	34	D	34	C
35	A	35	C	35	B	35	A	35	C	35	C	35	D	35	D	35	B	35	D
36	B	36	A	36	C	36	D	36	A	36	B	36	B	36	A	36	A	36	C
37	C	37	A	37	D	37	D	37	A	37	D	37	D	37	C	37	D	37	D
38	C	38	C	38	A	38	D	38	C	38	A	38	C	38	D	38	B	38	A
39	D	39	D	39	C	39	C	39	D	39	A	39	B	39	B	39	C	39	B
40	D	40	A	40	C	40	A	40	A	40	A	40	A	40	A	40	B	40	B